Bản tin

THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN



SỐ TỔNG KẾT QUÝ II - RA NGÀY 31/7/2027

BẢN TIN

THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:

Cục Xuất nhập khẩu,
Bộ Công Thương
Tel: 024.22205440;
Email:
binhtth.gov.vn;
huyenngt@moit.gov.vn;

- Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại,
Bộ Công Thương
Tel: 024.22192875;
Email:
tuoanhbta@gmail.com;
Mọi ý kiến đóng góp xin liên hệ
số điện thoại và email trên

Giấy phép xuất bản số:
43/GP-XBBT ngày 14/8/2024

TÌNH HÌNH CHUNG 2

THỊ TRƯỜNG CAO SU 3

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ 9

THỊ TRƯỜNG CHÈ 14

THỊ TRƯỜNG SẮN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẮN 18

THỊ TRƯỜNG THỊT 23

THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN 27

THÔNG TIN CHÍNH SÁCH/CHUYÊN ĐỀ 31

TÌNH HÌNH CHUNG

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

▶ Trong quý II/2025, giá cao su tại các sàn châu Á giảm mạnh. Tuy nhiên, tháng 7/2025, giá bắt đầu phục hồi nhờ lo ngại thiếu hụt nguồn cung do thời tiết bất lợi ở Đông Nam Á và nhu cầu tiêu thụ cao từ thị trường Trung Quốc.

▶ Cuối tháng 7/2025, đà giảm giá cà phê trên thị trường thế giới đã có dấu hiệu chậm lại, nhưng triển vọng phục hồi vẫn mờ nhạt khi cung vượt cầu.

▶ Xuất khẩu chè của Xri Lan-ca 6 tháng đầu năm 2025 tăng 6,5% so với cùng kỳ năm 2024. Thị trường chè Ấn Độ được dự báo tăng từ 11,72 tỷ USD năm 2024 lên 15,12 tỷ USD vào năm 2030.

▶ Trong tháng 7/2025, giá sắn nguyên liệu và các sản phẩm chế biến như sắn lát và tinh bột sắn của Thái Lan tăng. Thái Lan đặt mục tiêu xuất khẩu 7,5 triệu tấn sắn trong năm 2025. Lượng sắn nhập khẩu của Trung Quốc, Thái Lan, Hoa Kỳ và thị trường Đài Loan các tháng đầu năm 2025 tăng.

▶ Theo số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong 6 tháng đầu năm 2025, nhập khẩu thịt trâu, bò; thịt và phụ phẩm của gia cầm vào Trung Quốc giảm so với cùng kỳ năm 2024, trong khi nhập khẩu thịt lợn tăng.

▶ Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump đã tuyên bố áp mức thuế 25% đối với hàng hóa nhập khẩu từ Ấn Độ, bắt đầu có hiệu lực từ ngày 1/8/2025. Nếu mức thuế này có hiệu lực, ngành tôm Ấn Độ sẽ chịu ảnh hưởng lớn. Trong tuần 21–27/7/2025, giá cá rô phi tại các vùng nuôi trọng điểm của Trung Quốc như Quảng Đông, Hải Nam và Quảng Tây tiếp tục giảm mạnh. Nhập khẩu thủy sản của EU, Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc các tháng đầu năm 2025 có xu hướng tăng.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

▶ Xuất khẩu cao su của Việt Nam trong quý II/2025 giảm 0,8% về lượng nhưng tăng 9,8% về trị giá so với quý II/2024. Thị phần cao su Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Ma-lai-xi-a và Hoa Kỳ tăng, thị phần trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc, EU và Ấn Độ giảm.

▶ Giá cà phê Robusta tại thị trường nội địa cuối tháng 7/2025 tăng do nguồn cung trong nước khan hiếm, trong khi nhu cầu mua phục vụ xuất khẩu vẫn ở mức cao. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2025 tăng 4,5% về lượng và tăng 66,2% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của EU, Hoa Kỳ và Nhật Bản giảm.

▶ Quý II/2025, xuất khẩu chè của Việt Nam tăng 15,4% về lượng và tăng 24% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Thị phần chè của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của EU, Hoa Kỳ và Nhật Bản cải thiện, trong khi thị phần trong tổng nhập khẩu của Úc giảm.

▶ Quý II/2025, xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn của Việt Nam tăng 137% về lượng và tăng 56,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

▶ Trong tháng 07/2025, giá lợn hơi trong nước giảm so với tháng 06/2025, dao động trong khoảng 62.000 - 71.000 đồng/kg. Quý II/2025, xuất khẩu thịt và sản phẩm thịt của Việt Nam tăng 1,6% về lượng và tăng 15,9% về trị giá so với quý II/2024; Nhập khẩu thịt và sản phẩm từ thịt tăng 9,8% về lượng và tăng 12,3% về trị giá.

▶ Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam quý II/2025 tăng 6,6% về lượng và tăng 13,3% về trị giá so với quý II/2024.

THỊ TRƯỜNG CAO SU

▶ *Trong quý II/2025, giá cao su tại các sàn châu Á giảm mạnh. Tuy nhiên, tháng 7/2025, giá bắt đầu phục hồi nhờ lo ngại thiếu hụt nguồn cung do thời tiết bất lợi ở Đông Nam Á và nhu cầu tiêu thụ cao từ thị trường Trung Quốc.*

▶ *Theo số liệu của Cục Hải quan, xuất khẩu cao su của Việt Nam trong quý II/2025 giảm 18,8% về lượng và giảm 25,5% về trị giá so với quý I/2025, giảm 0,8% về lượng nhưng tăng 9,8% về trị giá so với quý II/2024.*

▶ *Các tháng đầu năm 2025, lượng cao su nhập khẩu của các quốc gia tiêu thụ chính tại châu Á như Trung Quốc, Ấn Độ và Ma-lai-xi-a tăng so với cùng kỳ năm ngoái; Ngược lại, nhập khẩu của Liên minh châu Âu (EU) và Hoa Kỳ giảm.*

THỊ TRƯỜNG CAO SU THẾ GIỚI

Trong quý II/2025, giá cao su trên các sàn giao dịch chủ chốt tại châu Á đồng loạt giảm mạnh do chịu tác động từ nhiều yếu tố như chính sách thuế quan của Hoa Kỳ, sự đi xuống của giá dầu thô, biến động tỷ giá và căng thẳng địa chính trị tại khu vực Trung Đông. Cụ thể, giá cao su tại Thái Lan giảm gần 13% trong quý II, tại Nhật Bản giảm 9,9%, và giá tại Trung Quốc giảm mạnh nhất với mức giảm 16,3%.

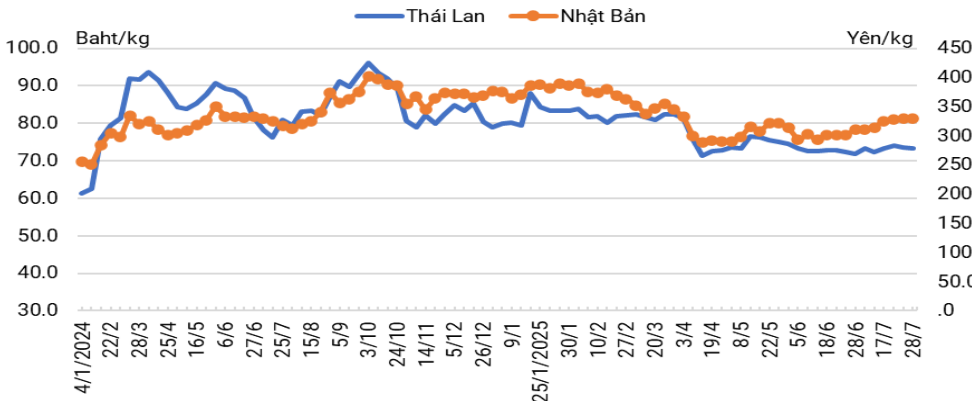
Sang tháng 7/2025, giá cao su bắt đầu ghi nhận xu hướng phục hồi. Nguyên nhân chủ yếu đến từ tình hình thời tiết bất lợi tại các quốc gia sản xuất chủ chốt ở Đông Nam Á, làm dấy lên lo ngại về nguy cơ gián đoạn nguồn cung. Bên cạnh đó, nhu cầu tiêu thụ tại thị trường Trung Quốc vẫn được duy trì ở mức cao, góp phần hỗ trợ đà tăng trở lại của giá cao su.



+ Tại Nhật Bản, ngày 28/7, giá cao su RSS3 kỳ hạn tháng 8/2025 trên Sở Giao dịch Hàng hóa Osaka (OSE) tại Nhật Bản đạt 329 Yên/kg, tăng 5,9% (tương đương 18,3 Yên/kg) so với cuối tháng 6/2025, mức cao nhất trong gần 4 tháng qua.

+ Tại Thái Lan, giá cao su RSS3 hợp đồng giao kỳ hạn tháng 8/2025 tăng 2,2% (tương đương 1,6 Baht/kg) trong tháng vừa qua, lên mức 73,4 Baht/kg.

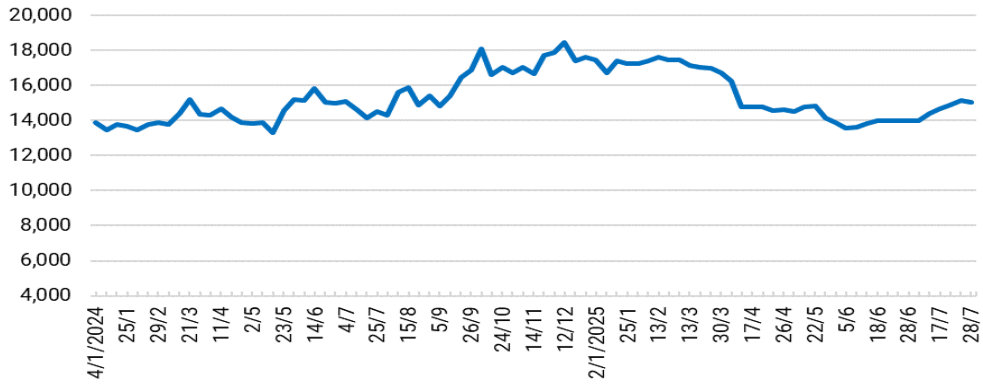
Diễn biến giá cao su RSS3 tại Thái Lan và sàn OSE Nhật Bản từ đầu năm 2024 đến nay



Nguồn: cf.market-info.jp và thainr.com

+ Tại Trung Quốc, trên Sàn Giao dịch Hàng hóa tương lai Thượng Hải (SHFE), giá cao su tự nhiên kỳ hạn tháng 9/2025 tăng mạnh 7,4% (tăng 1.035 NDT/tấn) so với cuối tháng 6/2025, lên 15.015 NDT/tấn, cao nhất trong nhiều tháng trở lại đây.

Diễn biến giá cao su tự nhiên tại sàn SHFE từ đầu năm 2024 đến nay
(ĐVT: NDT/tấn)



Nguồn: shfe.com.cn

Theo trang thông tin tài chính Trung Quốc Tonghuashun Information, thời tiết bất lợi, lượng mưa liên tục gần đây đã góp phần hỗ trợ giá, trong bối cảnh nhu cầu từ các ngành hạ nguồn đang dần cải thiện. Cơ quan khí tượng của Thái Lan, quốc gia sản xuất cao su hàng đầu thế giới, đã đưa ra cảnh báo về mưa lớn có thể gây ngập úng trong các ngày cuối tháng 7.

Trong khi đó, theo Helixtap Technologies, một công ty độc lập chuyên về phân tích thị trường cao su, diễn biến tích cực trên thị trường kỳ hạn cùng hoạt động mua theo chiến lược chênh lệch giá, được thúc đẩy bởi xu hướng tăng chung của nhóm hàng hóa và kỳ vọng vào các biện pháp kích thích kinh tế của Trung Quốc, là những yếu tố chính dẫn dắt đà tăng của giá cao su thời gian gần đây.

Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump đã công bố một thỏa thuận thương mại giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản, theo đó thuế nhập khẩu ô tô Nhật vào Hoa Kỳ sẽ giảm từ mức đề xuất 25% xuống còn 15%. Đồng thời, Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu cũng đã nhất trí áp thuế 15% đối với ô tô. Diễn biến này có thể tác động đến hoạt động sản xuất ô tô – lĩnh vực sử dụng lượng lớn lốp xe làm từ cao su.

Bên cạnh đó, giá dầu thô tăng do tâm lý lạc quan về các cuộc đàm phán thương mại, hỗ trợ triển vọng của nền kinh tế toàn cầu và nhu cầu dầu mỏ cũng là yếu tố hỗ trợ giá cao su. Cao su thiên nhiên thường chịu ảnh hưởng từ giá dầu, vì phải cạnh tranh thị phần với cao su tổng hợp được sản xuất từ dầu thô.

Theo Cơ quan Hải quan Thái Lan, trong 6 tháng đầu năm 2025, Thái Lan xuất khẩu tổng cộng 2,26 triệu tấn cao su thiên nhiên và cao su hỗn hợp, tăng 13,2% so với cùng kỳ năm trước. Mức tăng xuất khẩu chủ yếu là do xuất khẩu cao su tổng hợp tăng 52%, đạt 871.000 tấn, trong khi cao su tự nhiên giảm 2%, chỉ đạt 1,4 triệu tấn. Trung Quốc tiếp tục là thị trường xuất khẩu cao su lớn nhất của Thái Lan trong nửa đầu năm, với khối lượng đạt 1,423 triệu tấn, tăng 35% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm 557.000 tấn cao su tự nhiên (tăng 13%) và 866.000 tấn cao su hỗn hợp (tăng 55%).

Giá cao su thế giới có thể tiếp tục duy trì xu hướng tăng trong ngắn hạn do yếu tố cung đang bị gián đoạn, nhất là nếu thời tiết xấu kéo dài.

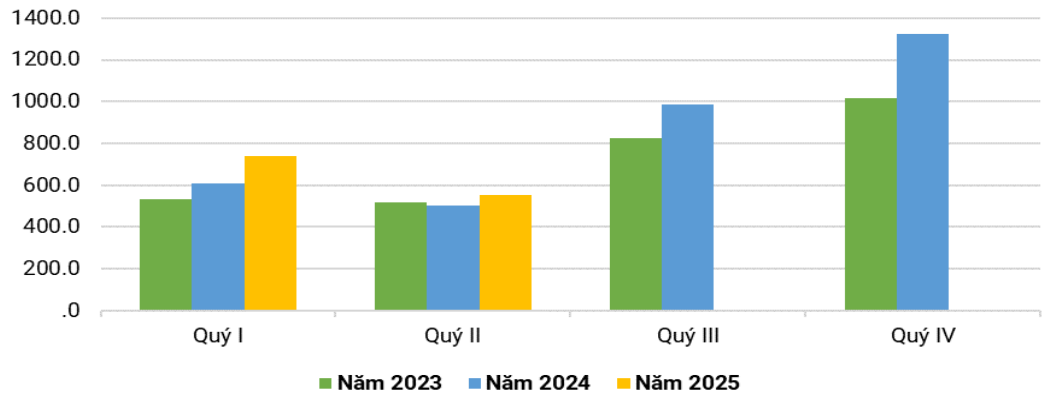
Trong trung hạn, diễn biến thị trường sẽ phụ thuộc vào mức độ hồi phục nhu cầu từ Trung Quốc, cũng như các chính sách điều tiết vĩ mô từ Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu (EU). Nếu kinh tế toàn cầu cải thiện rõ nét, giá cao su có thể tăng ổn định hơn.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CAO SU CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu của Cục Hải quan, xuất khẩu cao su của Việt Nam trong quý II/2025 đạt 310.826 tấn, trị giá 550,03 triệu USD, giảm 18,8% về lượng và giảm 25,5% về trị giá so với quý I/2025, giảm 0,8% nhưng tăng 9,8% về trị giá so với quý II/2024. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu cao su của nước ta đạt 693.826 tấn, trị giá gần 1,29 tỷ USD, giảm 4,6% về lượng nhưng tăng 16,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024, do giá tăng cao.

Trị giá xuất khẩu cao su qua các quý từ năm 2023 – 2025

(ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

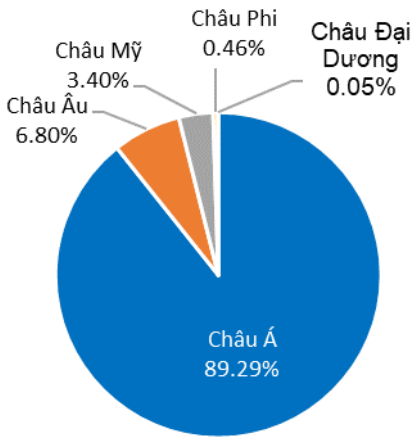
Về khu vực thị trường: Trong quý II/2025, châu Á vẫn là khu vực tiêu thụ cao su chính của Việt Nam, chiếm 88,6% về trị giá xuất khẩu, đạt 490,6 triệu USD, tăng 9,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Ngoài ra, kim ngạch xuất khẩu sang các châu lục khác cũng tăng trưởng cao ở mức hai con số, chỉ riêng xuất khẩu tới khu vực châu Đại Dương giảm 29,3%.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu cao su của Việt Nam sang khu vực châu Á tăng 17,8%, đạt 1,16 tỷ USD; Châu Mỹ tăng 32,8%, đạt 50,55 triệu USD; Châu Phi tăng 1,6%, đạt 6,15 triệu USD. Ngược lại, kim ngạch xuất khẩu tới châu Âu giảm 5,4% và châu Đại Dương giảm 17,2%.

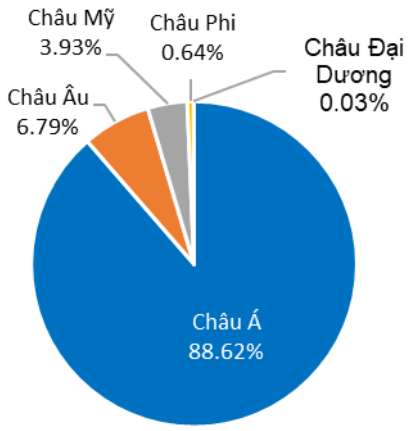
Cơ cấu khu vực xuất khẩu cao su của Việt Nam

(Tỷ trọng % tính theo kim ngạch)

Quý I/2024



Quý I/2025



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

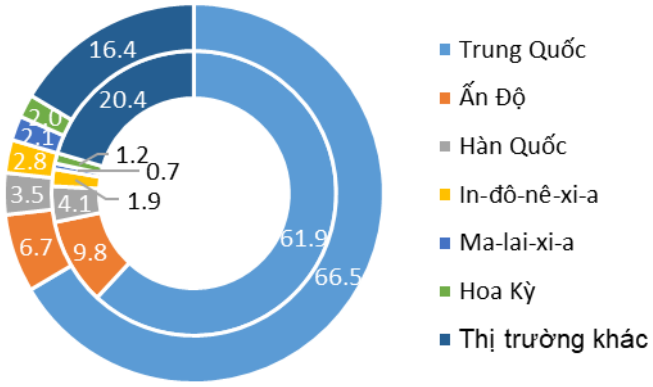
Về thị trường xuất khẩu: Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc, Ma-lai-xi-a và In-đô-nê-xi-a lần lượt là 5 thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt Nam trong nửa đầu năm 2025. Trong đó, xuất khẩu sang các thị trường nhìn chung đều tăng mạnh, riêng xuất khẩu tới Ấn Độ giảm 29%,.

Xuất khẩu cao su tới Trung Quốc chiếm 70% tổng xuất khẩu cao su của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm, với kim ngạch đạt 892,54 triệu USD, tăng 24,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong quý II/2025, xuất khẩu cao su tới Trung Quốc đạt 361,3 triệu USD, tăng 16,5% so với quý II/2024, chiếm 66,5% thị phần.

Xuất khẩu cao su sang Hàn Quốc tăng 4,1% trong 6 tháng đầu năm, dù giảm 4,2% trong quý II/2025. Đáng chú ý, xuất khẩu tới Ma-la-xi-a và In-đô-nê-xi-a tăng mạnh 252,3% và 58,2% trong quý II/2025, lũy kế 6 tháng tăng 347% và 106,3%.

Ngoài các thị trường trên, kim ngạch xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ cũng tăng trưởng ấn tượng 84,7% trong quý II và 52,2% sau 6 tháng đầu năm 2025.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu cao su của Việt Nam trong quý II/2024 (vòng trong) và quý II/2025 (vòng ngoài) *(ĐVT: % theo kim ngạch)*



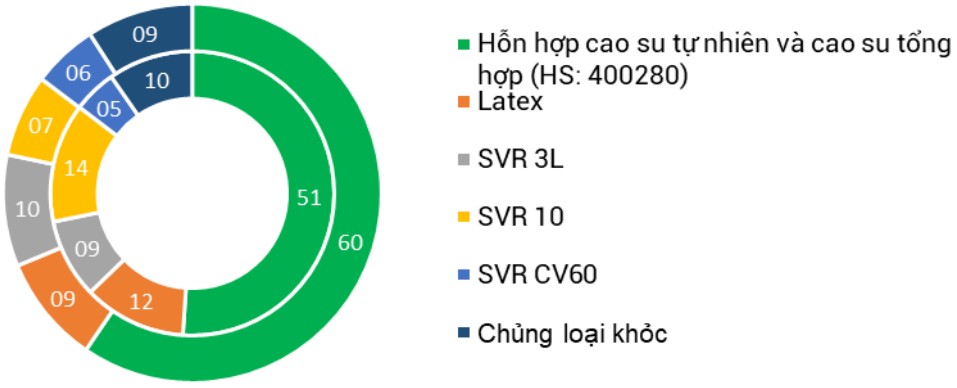
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Về chủng loại:

Sự phục hồi nhu cầu của thị trường Trung Quốc trong quý II/2025 đã giúp kim ngạch xuất khẩu hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp (HS: 400280) tăng 28% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 327,33 triệu USD, chiếm đến gần 60% tổng kim ngạch xuất khẩu cao su của cả nước. Kim ngạch xuất khẩu của nhiều chủng loại khác như SVR 3L, SVR CV60, RSS 3, SVR CV50... cũng tăng mạnh trong quý vừa qua. Trái lại, xuất khẩu Latex, SVR 10 hay cao su tổng hợp lại giảm đáng kể.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2025, trị giá xuất khẩu hầu hết chủng loại cao su chính đều tăng trưởng mạnh ở mức hai con số so với cùng kỳ năm ngoái, chỉ một số ít chủng loại giảm như SVR 10, cao su tổng hợp, SVR 20.

Cơ cấu chủng loại cao su xuất khẩu của Việt Nam trong quý II/2024 (vòng trong) và quý II/2025 (vòng ngoài) *(% theo kim ngạch)*



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Chủng loại cao su xuất khẩu của Việt Nam trong quý II và 6 tháng đầu năm 2025

(ĐVT: Lượng: tấn; Kim ngạch: nghìn USD)

Chủng loại	Quý II/2025		So với quý II/2024 (%)		6 tháng đầu năm 2025		So với 6 tháng năm 2024 (%)	
	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch
Hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp (HS: 400280)	184.936	327.334	15,5	28,0	423.441	794.219	6,8	32,2
Latex	39.232	50.892	-14,6	-13,2	93.554	131.294	-6,8	7,1
SVR 3L	25.812	52.388	6,0	15,8	51.721	108.526	-4,1	15,8
SVR 10	20.975	38.667	-46,7	-43,1	44.754	85.291	-47,3	-38,0
SVR CV60	14.537	30.684	12,8	23,4	28.423	62.167	-6,8	12,0
RSS3	10.535	21.662	45,4	50,3	19.231	40.808	4,3	22,2
SVR CV50	4.315	9.083	11,7	19,3	8.878	19.383	-0,2	17,3
Cao su tái sinh	2.525	1.803	1,0	-15,2	4.866	3.345	-13,8	-16,3
Cao su tổng hợp	2.338	5.672	16,6	7,1	4.187	11.097	-9,1	6,3
SVR 20	2.199	4.041	-61,0	-55,7	5.152	9.855	-44,6	-32,8
Chủng loại khác	3.422	7.805	-63,6	-21,0	9.618	21.882	-33,6	14,2
Tổng	310.826	550.030	-0,8	9,8	693.826	1.287.869	-4,6	16,2

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CAO SU CỦA CÁC THỊ TRƯỜNG TIÊU THỤ LỚN VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Tính từ đầu năm 2025 đến nay, khối lượng cao su nhập khẩu của các thị trường tiêu thụ chính tại châu Á như Trung Quốc, Ấn Độ và Ma-lai-xi-a có xu hướng tăng so với cùng kỳ năm ngoái. Ngược lại, nhập khẩu của Liên minh châu Âu (EU) và Hoa Kỳ lại ghi nhận xu hướng giảm. Tuy nhiên, do giá cao su thế giới tăng cao, trị giá nhập khẩu của hầu hết các thị trường vẫn ghi nhận mức tăng đáng kể so với cùng kỳ năm trước.

Trung Quốc: Theo số liệu do Tổng cục Hải quan Trung Quốc, trong 6 tháng đầu năm 2025, Trung Quốc đã nhập khẩu tổng cộng 4,2 triệu tấn cao su các loại, trị giá 8,1 tỷ USD, tăng 22,8% về lượng và tăng 46,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, Trung Quốc tăng lượng cao su nhập khẩu từ Thái Lan, Nga và Bờ Biển Ngà, nhưng giảm nhập khẩu từ Việt Nam và Ma-lai-xi-a.

Cụ thể, Việt Nam tiếp tục là nguồn cung cao su lớn thứ hai vào Trung Quốc trong 6 tháng đầu năm, với khối lượng đạt 531.379 tấn, trị giá 1 tỷ USD, giảm 5,7% về lượng, nhưng tăng 25,6% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Kết quả này khiến thị phần cao su Việt Nam tại Trung Quốc giảm từ 14,4% của cùng kỳ năm trước xuống còn 12,4% trong 6 tháng đầu năm nay. Mặc dù vậy, mức giảm về lượng xuất khẩu đã thu hẹp từ mức giảm 8% của 5 tháng đầu năm, cho thấy xu hướng phục hồi đang trở lại.

Đà tăng trưởng tích cực của ngành ô tô Trung Quốc đang góp phần nâng triển vọng tiêu thụ cao su tại quốc gia tiêu thụ lớn nhất thế giới này.

Theo Hiệp hội Các nhà sản xuất ô tô Trung Quốc (CAAM), trong 6 tháng đầu năm 2025, tổng sản lượng và doanh số bán ô tô tại Trung Quốc tăng gần 13% và 11% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 15,621 triệu chiếc và 15,653 triệu chiếc. Chính phủ Trung Quốc đã tăng cường các biện pháp kích thích nhằm thúc

đẩy tiêu thụ xe trong nước, bao gồm việc nâng mức ưu đãi đổi xe cũ và xe bị loại bỏ, trong đó chủ yếu ưu tiên cho xe năng lượng mới (NEV). Thị trường ô tô trong nước cũng được hưởng lợi từ cạnh tranh giá mạnh mẽ giữa các hãng xe nội địa và hàng loạt mẫu xe mới được tung ra thị trường.

Hoa Kỳ: Trái ngược với Trung Quốc, nhập khẩu cao su của thị trường Hoa Kỳ tính đến hết tháng 5/2025 đạt 730.337 tấn, kim ngạch 1,85 tỷ USD, giảm 4,9% về lượng nhưng tăng 10,2% về kim ngạch so với 5 tháng đầu năm 2024. Tuy nhiên, nhập khẩu cao su của Hoa Kỳ từ Việt Nam vẫn tăng 1,2% về lượng và tăng 36,5% về kim ngạch, đạt 12.490 tấn với kim ngạch 28,3 triệu USD. Với kết quả này, thị phần của Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu cao su của Hoa Kỳ đã tăng lên mức 1,5% từ mức 1,2% của cùng kỳ năm 2024, giúp Việt Nam tiếp tục giữ vị trí thứ 12 trong các quốc gia xuất khẩu cao su lớn nhất vào thị trường này. Hoạt động xuất khẩu cao su của Việt Nam sang Hoa Kỳ được đẩy mạnh trong thời gian qua, khi các doanh nghiệp tranh thủ đẩy nhanh tiến độ giao hàng trước thời điểm các mức thuế quan mới dự kiến có hiệu lực.

Ma-lai-xi-a: Trong 4 tháng đầu năm nay, Ma-lai-xi-a nhập khẩu 991,55 triệu USD, tăng 14,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, Việt Nam là nguồn cung lớn thứ 11 vào thị trường này, với khối lượng đạt 24, 67 triệu USD, tăng gần 4,9 lần so với cùng kỳ năm 2024. Thị phần cao su của Việt Nam tại Ma-lai-xi-a mở rộng từ 0,6% lên 2,5%.

Còn tại EU và Ấn Độ, xuất khẩu cao su của Việt Nam vào hai thị trường này đều giảm so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, đây vẫn là những thị trường tiềm năng nếu các điều kiện thương mại và nhu cầu tiêu dùng được cải thiện trong thời gian tới.

Với nhu cầu tiêu thụ đang có dấu hiệu phục hồi mạnh mẽ tại Trung Quốc và những tín hiệu tích cực gần đây trong đàm phán thương mại giữa Hoa Kỳ và các đối tác chính, hoạt động xuất khẩu cao su của Việt Nam được dự báo sẽ tăng trưởng khả quan hơn trong những tháng tới.

5 thị trường nhập khẩu cao su lớn nhất thế giới các tháng đầu năm 2025 và thị phần của Việt Nam (ĐVT: nghìn USD)

	Trung Quốc	EU (nhập khẩu từ ngoại khối)	Hoa Kỳ	Ấn Độ	Ma-lai-xi-a
Tháng 1	1.483.234	467.371	361.613	247.076	273.197
Tháng 2	1.374.862	460.526	285.308	194.818	271.630
Tháng 3	1.540.429	507.645	408.777	246.967	242.567
Tháng 4	1.392.357	476.608	382.202	277.389	204.156
Tháng 5	1.201.622	513.873	414.873	259.780	
Tháng 6	1.145.921				
Lũy kế từ đầu năm 2025	**8.138.425**	**2.426.025**	**1.852.773**	**1.226.030**	**991.550**
Lũy kế năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024 (%)	*46,3*	*-2,0*	*10,2*	*24,9*	*14,2*
Nhập khẩu từ Việt Nam	**1.008.068**	**46.274**	**28.312**	**54.355**	**24.669**
Nhập khẩu từ Việt Nam so với cùng kỳ năm 2024 (%)	*25,6*	*-15,6*	*36,5*	*-32,2*	*387,6*
Thị phần của Việt Nam các tháng năm 2024 (%)	14,4	2,2	1,2	8,2	0,6
Thị phần của Việt Nam các tháng năm 2025 (%)	12,4	1,9	1,5	4,4	2,5

Nguồn: Cơ quan Thống kê châu Âu, Cơ quan Hải quan Trung Quốc, Trung tâm Thương mại Quốc tế (Tỷ giá 1 EUR= 1,160 USD)

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ

► *Cuối tháng 7/2025, đà giảm giá cà phê trên thị trường thế giới đã có dấu hiệu chậm lại, nhưng triển vọng phục hồi vẫn mờ nhạt khi cung vượt cầu.*

► *Giá cà phê Robusta tại thị trường nội địa cuối tháng 7/2025 tăng do nguồn cung trong nước khan hiếm, trong khi nhu cầu mua phục vụ xuất khẩu vẫn ở mức cao.*

► *Xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2025 đạt gần 947,1 nghìn tấn, trị giá 5,4 tỷ USD, tăng 4,5% về lượng và tăng 66,2% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.*

► *Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của EU, Hoa Kỳ và Nhật Bản giảm.*

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ THẾ GIỚI

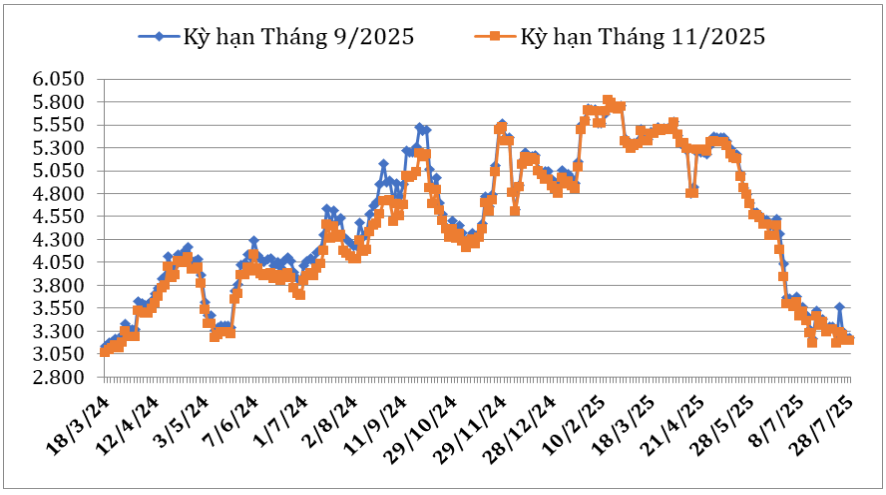
Giá cà phê trên thị trường thế giới tháng 7/2025 giảm, chủ yếu do tiến độ thu hoạch vượt kỳ vọng tại Bra-xin - quốc gia sản xuất cà phê lớn nhất thế giới. Tính đến cuối tháng 7/2025, Bra-xin đã hoàn tất thu hoạch khoảng 84% diện tích vụ mùa 2025–2026, cao hơn mức trung bình nhiều năm. Điều kiện thời tiết thuận lợi tại các vùng trồng chính cũng góp phần đảm bảo sản lượng và chất lượng cà phê, qua đó gia tăng áp lực lên thị trường thế giới. Trong khi đó, tồn kho cà phê Arabica tại các kho được sàn ICE chứng nhận liên tục duy trì ở mức cao, càng củng cố tâm lý thận trọng của nhà đầu tư.



Tuy nhiên, nửa cuối tháng 7/2025, đà giảm giá cà phê phần nào chững lại, nhưng chưa có tín hiệu phục hồi rõ ràng do cán cân cung – cầu tiếp tục bất lợi. Trong ngắn hạn, giá nhiều khả năng giá cà phê tiếp tục dao động trong biên độ hẹp, phụ thuộc vào diễn biến xuất khẩu của Bra-xin, Việt Nam và chính sách tiền tệ từ các nền kinh tế lớn. Đây sẽ là những yếu tố then chốt ảnh hưởng đến diễn biến giá cà phê toàn cầu trong thời gian tới, đặc biệt tháng 8 và quý III/2025.

+ Trên sàn giao dịch London, ngày 28/7/2025, giá cà phê Robusta giao kỳ hạn tháng 9/2025 và tháng 11/2025 giảm mạnh lần lượt 11,8% và 11,0% so với ngày 28/6/2025, xuống mức 3.228 USD/tấn và 3.196 USD/tấn.

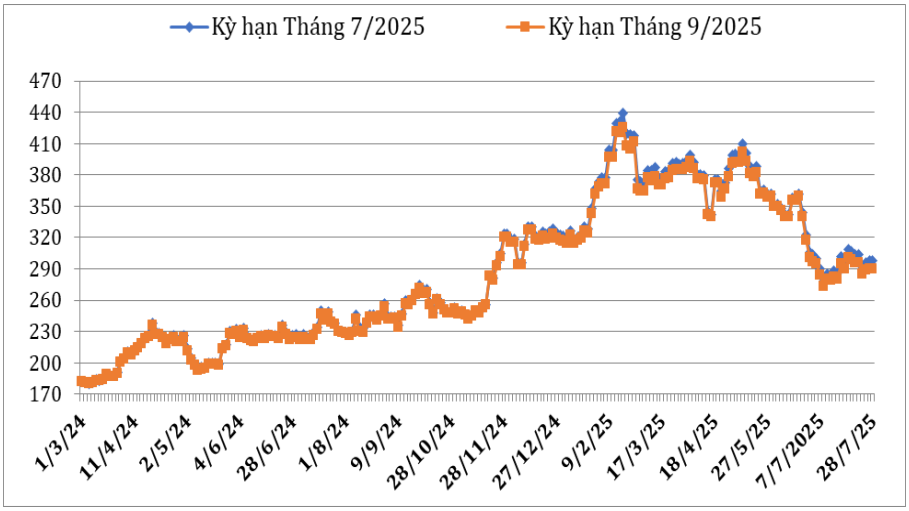
Diễn biến giá cà phê Robusta giao kỳ hạn trên sàn giao dịch London từ đầu tháng 3/2024 đến nay *(ĐVT: USD/tấn)*



Nguồn: Sàn giao dịch London

+ Trên sàn giao dịch New York, ngày 28/7/2025, giá cà phê Arabica giao kỳ hạn tháng 9/2025 và tháng 12/2025 giảm lần lượt 2,0% và 2,3% so với ngày 28/6/2025, xuống mức 297,55 Uscent/lb và 290,45 Usent/lb.

Diễn biến giá cà phê Arabica trên sàn giao dịch New York từ đầu tháng 3/2024 đến nay *(ĐVT: Uscent/lb)*



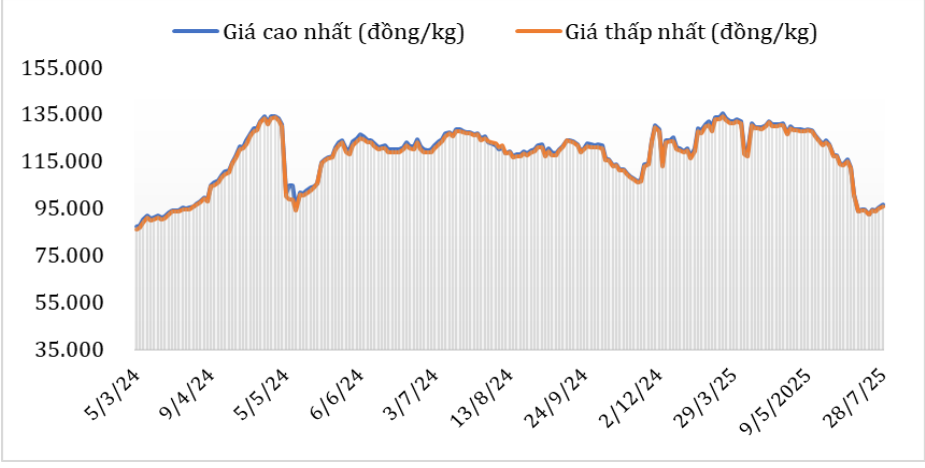
Nguồn: Sàn giao dịch New York

+ Trên sàn giao dịch BMF của Bra-xin, ngày 28/7/2025, giá cà phê Arabica giao kỳ hạn tháng 9/2025 và tháng 12/2025 giảm lần lượt 0,6% và 2,5% so với ngày 28/6/2025, xuống mức 370,2 Uscent/lb và 354,95 Uscent/lb.

TRONG NƯỚC: CUỐI THÁNG 7/2025, GIÁ CÀ PHÊ ROBUSTA TĂNG

Những ngày cuối tháng 7/2025, giá cà phê Robusta tại thị trường nội diễn biến trái chiều với giá thế giới do nguồn cung trong nước khan hiếm, trong khi nhu cầu mua phục vụ xuất khẩu vẫn ở mức cao. Cụ thể: Giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên như Đắc Lắk, Lâm Đồng, Gia Lai và Đắc Nông vào ngày 28/7/2025 tăng từ 2.100 – 2.500 đồng/kg so với ngày 28/6/2025, dao động từ 96.000 – 96.700 đồng/kg (tùy từng khu vực khảo sát).

Diễn biến giá cà phê Robusta tại thị trường nội địa từ tháng 3/2024 đến nay



Nguồn: giacaphe.com

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CÀ PHÊ TRONG QUÝ II/2025

Theo số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, trong quý II/2025, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt 451,3 nghìn tấn, trị giá 2,59 tỷ USD, giảm 9,0% về lượng và giảm 7,8% so với quý I/2025, nhưng so với quý II/2024 tăng 40,6% về lượng và tăng 95,8% về trị giá. Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, Việt Nam xuất khẩu cà phê đạt gần 947,1 nghìn tấn, trị giá 5,4 tỷ USD, tăng 4,5% về lượng và tăng 66,2% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2025 đạt mức kỷ lục về trị giá là nhờ giá cà phê thế giới tăng mạnh khi nguồn cung toàn cầu thắt chặt, cùng với sự phục hồi nhu cầu từ các thị trường lớn như EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc... Bên cạnh đó, các doanh nghiệp ngày càng chú trọng đầu tư công nghệ chế biến, truy xuất nguồn gốc và tận dụng hiệu quả các FTA (EVFTA, UKVFTA, CPTPP), góp phần nâng cao giá trị gia tăng và mở rộng thị trường.

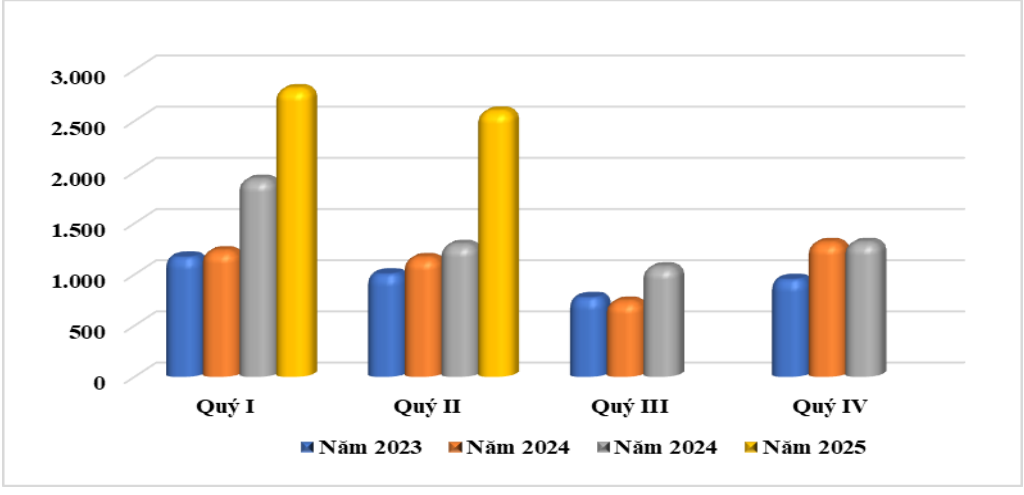


Dự báo nửa cuối năm, xuất khẩu cà phê vẫn duy trì đà tăng nhờ nguồn cung được cải thiện và nhu cầu toàn cầu tiếp tục khởi sắc, dù vẫn còn áp lực bởi chính sách thuế quan mới của Hoa Kỳ.

Theo Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), sản lượng cà phê toàn cầu niên vụ 2025/26 dự kiến đạt kỷ lục 178,7 triệu bao. Việt Nam được dự báo đạt 1,85 triệu tấn - tăng gần 7% và là mức cao nhất trong 4 năm. Tiêu thụ toàn cầu cũng lập đỉnh mới với khoảng 169,4 triệu bao (loại 60kg).

Trị giá xuất khẩu cà phê của Việt Nam qua các quý giai đoạn 2022 - 2024

(ĐVT: Triệu USD)



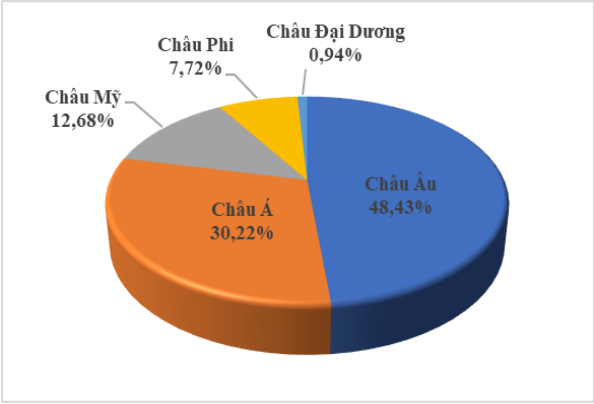
Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam

Khu vực xuất khẩu

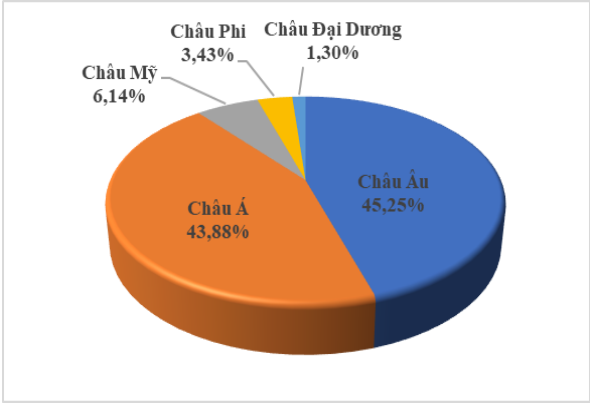
Quý II/2025, kim ngạch xuất khẩu cà phê sang châu Á, châu Mỹ, châu Đại Dương tăng so với quý I/2025, trong khi xuất khẩu sang châu Âu và châu Phi giảm. So với quý II/2024, xuất khẩu cà phê sang tất cả các châu lục đều tăng. Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu cà phê sang hầu hết các châu lục tăng so với cùng kỳ năm 2024.

Cơ cấu khu vực xuất khẩu cà phê trong quý II
(Tỷ trọng % tính theo trị giá)

Quý II/2025



Quý II/2024



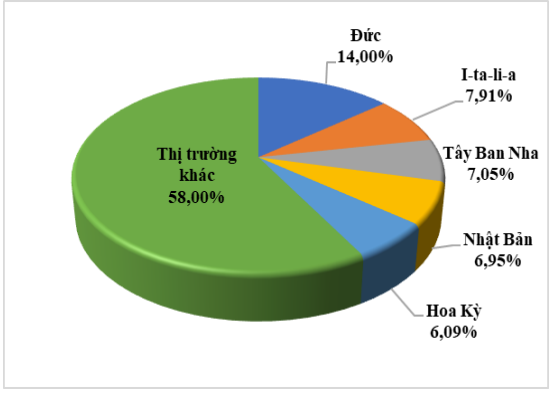
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Thị trường xuất khẩu

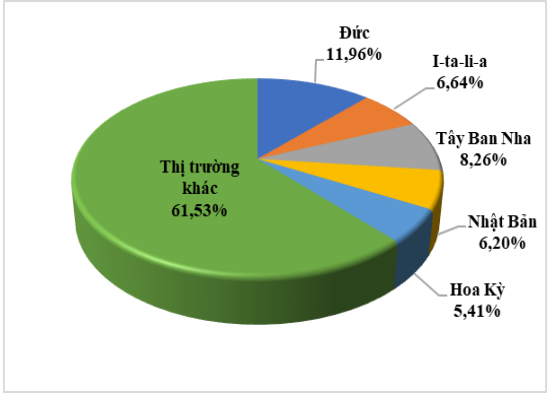
Quý II/2025, kim ngạch xuất khẩu cà phê sang nhiều thị trường truyền thống như Đức, I-ta-li-a, Tây Ban Nha, Hoa Kỳ, Nhật Bản… giảm so với quý I/2025. Tuy nhiên, so với quý II/2024, kim ngạch xuất khẩu cà phê sang hầu hết các thị trường truyền thống tăng. Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu cà phê sang hầu hết các thị trường truyền thống tăng mạnh.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu cà phê trong quý II
(Tỷ trọng % tính theo trị giá)

Quý II/2025



Quý II/2024



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Chủng loại xuất khẩu

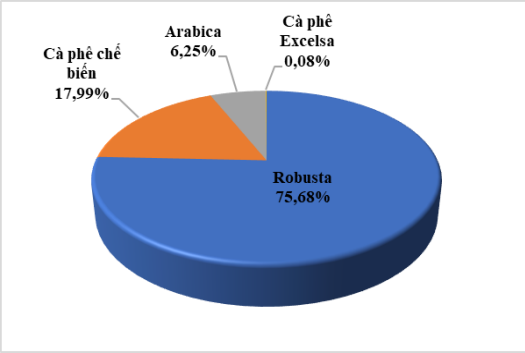
Quý II/2025 so với quý I/2025, kim ngạch xuất khẩu cà phê chế biến và cà phê Excelsa tăng, trong khi xuất khẩu cà phê Robusta và Arabica giảm. So với quý II/2024, kim ngạch xuất khẩu tất cả các chủng loại cà phê đều tăng.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu các chủng loại cà phê đều ghi nhận mức tăng từ 2 con số so với cùng kỳ năm ngoái, ngoại trừ xuất khẩu cà phê Excelsa.

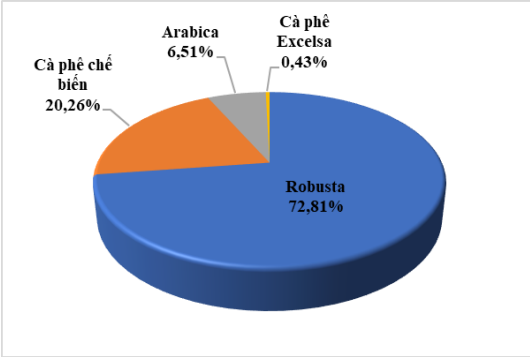
Cơ cấu chủng loại cà phê xuất khẩu trong quý II

(Tỷ trọng % tính theo trị giá)

Quý II/2025



Quý II/2024



Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

DUNG LƯỢNG 5 THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CÀ PHÊ LỚN NHẤT THẾ GIỚI VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Tại EU: Theo Eurostat, kim ngạch nhập khẩu cà phê của EU trong 4 tháng năm 2025 đạt 9,35 tỷ EUR (tương đương 10,9 tỷ USD), tăng 42,0% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, nhập khẩu cà phê của EU từ Việt Nam tăng 30,5%, đạt 983,3 triệu EUR (tương đương 1,15 tỷ USD). Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu của EU giảm từ 11,4% trong 4 tháng năm 2024 xuống 10,5% trong 4 tháng năm 2025.

Tại Hoa Kỳ: Theo thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), trong 5 tháng năm 2025, Hoa Kỳ nhập khẩu cà phê đạt 5,72 tỷ USD, tăng 5,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, Hoa Kỳ nhập khẩu cà phê từ Việt Nam đạt 303,0 triệu USD, tăng 3,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Hoa Kỳ giảm từ mức 6,7% trong 5 tháng năm 2024 xuống mức 5,3% trong 5 tháng năm 2025.

Tại Nhật Bản: Theo thống kê từ Cơ quan Hải quan Nhật Bản, trong 5 tháng năm 2025, Nhật Bản nhập khẩu cà phê từ thế giới đạt gần 1,01 tỷ USD, tăng 43,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, Nhật Bản nhập khẩu cà phê từ Việt Nam đạt 247,3 triệu USD, tăng 28,3% so với cùng kỳ năm 2024. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Nhật Bản giảm từ 27,5% trong 5 tháng năm 2024 xuống 24,6% trong 5 tháng năm 2025.

5 thị trường nhập khẩu cà phê (mã HS 0901) đạt trị giá cao trong các tháng đầu năm 2025

Thị trường	Nhập khẩu từ thế giới (triệu USD)		So với cùng kỳ năm ngoái (%)		Thị phần của Việt Nam/Tổng kim ngạch nhập khẩu (%)	
	4 tháng năm 2025	5 tháng năm 2025	4 tháng năm 2025	5 tháng năm 2025	4 tháng năm 2025	5 tháng năm 2025
EU	10.940		52,3		10,5	
Hoa Kỳ		5.716		5,5		5,3
Nhật Bản		1.006		43,4		24,6
Trung Quốc		604		68,2		8,8
Hàn Quốc		703		51,8		12,3

Nguồn: Eurostat; Cơ quan Hải quan Trung Quốc; Cơ quan Hải quan Nhật Bản; Cơ quan Hải quan Hàn Quốc; Trung tâm Thương mại Quốc tế (Tỷ giá 1 EUR = 1,17 USD)

THỊ TRƯỜNG CHÈ

- *Xuất khẩu chè của Xri Lan-ca 6 tháng đầu năm 2025 tăng 6,5% so với cùng kỳ năm 2024.*
- *Thị trường chè Ấn Độ được dự báo tăng từ 11,72 tỷ USD năm 2024 lên 15,12 tỷ USD vào năm 2030.*
- *Quý II/2025, xuất khẩu chè của Việt Nam tăng 15,4% về lượng và tăng 24% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.*
- *Thị phần chè của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của EU, Hoa Kỳ và Nhật Bản cải thiện, trong khi thị phần trong tổng nhập khẩu của Úc giảm.*

THỊ TRƯỜNG CHÈ THẾ GIỚI

Xri Lan-ca: Sản lượng chè của Xri Lan-ca trong tháng 6/2025 đạt 21,69 nghìn tấn, giảm 8,2% so tháng 6/2024. Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, sản lượng chè của Xri Lan-ca đạt 135,74 nghìn tấn, tăng 6,1% so với 6 tháng đầu năm 2024.

Xuất khẩu chè của Xri Lan-ca trong tháng 6/2025 đạt 21,87 nghìn tấn, tăng 11,1% so với cùng kỳ năm 2024. Tổng xuất khẩu chè của Xri Lan-ca trong 6 tháng đầu năm 2025 đạt 126,8 nghìn tấn, tăng 6,5% so với cùng kỳ năm 2024.

I-rắc là thị trường xuất khẩu chè lớn nhất của Xri Lan-ca, đạt 18,71 nghìn tấn trong 6 tháng đầu năm 2025, tăng 28% so với cùng kỳ năm 2024; trong khi Li-bia đứng thứ 2 với 11,47 nghìn tấn, tăng 280%; Nga ở vị trí thứ 3, đạt 11,2 nghìn tấn, giảm 14%; UAE đạt 8,82 nghìn tấn, giảm 26%; Thổ Nhĩ Kỳ đạt 7,90 nghìn tấn, giảm 8%; I-ran đạt 6,42 nghìn tấn, tăng 2%. Xuất khẩu tới Chi-lê ở vị trí thứ 7, đạt 5,51 nghìn tấn; vượt qua Trung Quốc với 5,11 nghìn tấn và Ả Rập Xê Út với 4,17 nghìn tấn trong 6 tháng đầu năm 2025.

Ấn Độ: Thị trường chè Ấn Độ, được định giá đạt 11,72 tỷ USD vào năm 2024 và dự kiến đạt 15,12 tỷ USD vào năm 2030, tăng trưởng tích cực nhờ tiêu dùng nội địa mạnh mẽ. Ấn Độ là một trong những quốc gia có mức tiêu thụ chè cao nhất thế giới, với chè là một thức uống chủ lực ở các hộ gia đình.

Tuy nhiên, ngành chè Ấn Độ phải đối mặt với những thách thức đáng kể do tác động của biến đổi khí hậu. Sự bất thường của thời tiết, hạn hán và nhiệt độ tăng làm gián đoạn chu kỳ thu hoạch, ảnh hưởng tiêu cực đến cả năng suất và hương vị của chè, đặc biệt ở các khu vực trọng điểm như Assam, Darjeeling và Nilgiri.

Người tiêu dùng Ấn Độ đang có xu hướng chuyển từ các loại chè sữa truyền thống sang lựa chọn chè xanh, chè thảo dược và chè hữu cơ. Đặc biệt, chè xanh ngày càng trở nên phổ biến do lợi ích chống oxy hóa và hỗ trợ quá trình trao đổi chất và kiểm soát cân nặng.



TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CHÈ CỦA VIỆT NAM

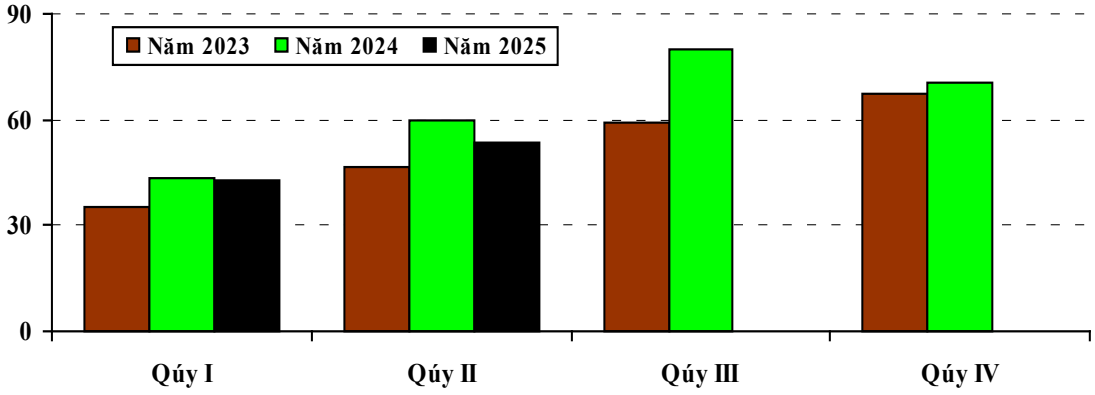
Theo số liệu từ Cục Hải quan Việt Nam, trong quý II/2025, xuất khẩu chè của Việt Nam đạt 31 nghìn tấn, trị giá 53,5 triệu USD, tăng 15,4% về lượng và tăng 24% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Giá bình quân chè xuất khẩu trong quý II/2025 đạt 1.722 nghìn USD/tấn, giảm 2,7% so với quý II/2024.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu chè của Việt Nam đạt 57,9 nghìn tấn, trị giá 96,6 triệu USD, giảm 8,4% về lượng và giảm 8,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Giá bình quân chè xuất khẩu trong 6 tháng đầu năm 2025 đạt 1.667 USD/tấn, giảm 2,4% so với cùng kỳ năm 2024.

Dự báo, xuất khẩu chè của Việt Nam trong 6 tháng cuối năm 2025 có khả năng phục hồi nhờ nhu cầu từ các thị trường lớn như Hoa Kỳ, I-rắc và nỗ lực nâng cao chất lượng sản phẩm của các doanh nghiệp trong nước. Tuy nhiên, ngành chè cần vượt qua các thách thức cạnh tranh và xây dựng thương hiệu để đạt được sự tăng trưởng bền vững.

Tình hình xuất khẩu hàng chè của Việt Nam theo quý giai đoạn 2023 – 2025

(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam

Trong quý II/2025 xuất khẩu chè có xu hướng tăng so với quý I/2025 là nhờ nhu cầu tại nhiều thị trường đang có dấu hiệu phục hồi. Chủng loại chè xuất khẩu trong quý II/2025 tập trung chủ yếu vào chè đen và chè xanh. Trong đó, chủng loại chè xanh xuất khẩu chiếm 60,1% tổng trị giá xuất khẩu; chè đen chiếm 33,7%.

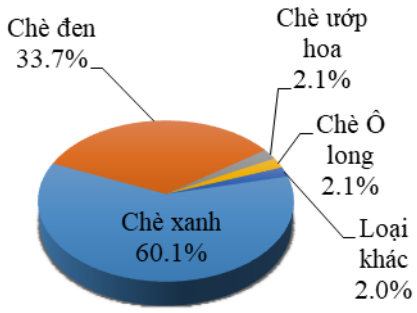
Xuất khẩu chè xanh trong quý II/2025 đạt 16 nghìn tấn, trị giá 31,1 triệu USD, giảm 22,4% về lượng và giảm 21,7% về trị giá so với quý II/2024. Chè xanh xuất khẩu chủ yếu tới khu vực châu Á, chiếm 97,8% về lượng và chiếm 96,5% về trị giá trong quý II/2025. Chỉ một lượng nhỏ chè xanh được xuất khẩu sang khu vực châu Âu, châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương. Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu chè xanh đạt 27,9 nghìn tấn, trị giá 53 triệu USD, giảm 15,5% về lượng và giảm 15,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Xuất khẩu chè đen trong quý II/2025 cũng giảm, đạt 13,3 nghìn tấn, trị giá 17,4 triệu USD, giảm 9,3% về lượng và giảm 9,4% về trị giá so với quý II/2024. Chè đen xuất khẩu chủ yếu sang khu vực châu Á, chiếm 78,7% về lượng và chiếm 72,8% về trị giá; tiếp theo là khu vực châu Âu chiếm 13,9% về lượng và chiếm 16,6% về trị giá; châu Mỹ chiếm 6% về lượng và chiếm 9,2% về tri giá; còn lại chiếm tỷ trọng nhỏ là khu vực châu Phi và châu Đại Dương. Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu chè đen đạt 27,4 nghìn tấn, trị giá 35,8 triệu USD, giảm 1,7% về lượng và giảm 2,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

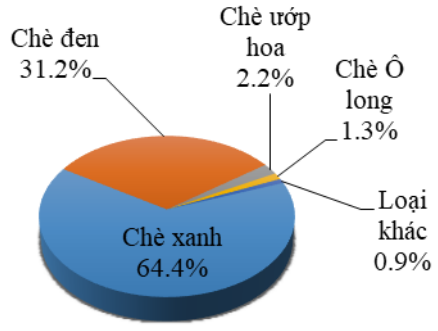
Cơ cấu chủng loại chè xuất khẩu

(Tỷ trọng % theo trị giá)

Quý II/2025



Quý II/2024



Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu từ Cục Hải quan Việt Nam

Chủng loại chè xuất khẩu của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2025

(ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD)

Thị trường	Quý II/2025		So với quý I/2025 (%)		So với quý II/2024 (%)		6 tháng năm 2025		So với 6 tháng năm 2024 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Chè xanh	15.998	31.133	34,9	42,6	-22,4	-21,7	27.861	52.972	-15,5	-15,7
Chè đen	13.309	17.431	-5,3	-4,9	-9,3	-9,4	27.362	35.754	-1,7	-2,8
Chè ướp hoa	480	1.082	85,3	111,9	-11,6	-19,4	739	1.593	-35,8	-38,6
Chè Ô long	298	1.062	51,5	51,6	54,5	31,4	495	1.763	32,3	32,6
Loại khác	92	355	-56,3	-62,2	12,3	-36,4	303	1.294	103,1	10,6

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

DUNG LƯỢNG NHẬP KHẨU CHÈ CỦA 5 THỊ TRƯỜNG TIÊU THỤ LỚN TRÊN THẾ GIỚI VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

EU là thị trường nhập khẩu chè lớn nhất trên toàn cầu. Theo số liệu từ Cơ quan Thống kê châu Âu, trong 5 tháng đầu năm 2025, nhập khẩu chè của EU từ thị trường ngoại khối đạt 320,3 triệu USD, tăng 15,8% so với cùng kỳ năm 2024, Các nhà cung cấp chè chính cho thị trường EU bao gồm Trung Quốc, Ấn Độ và Xri Lan-ca. Nhập khẩu chè của EU từ Việt Nam chỉ chiếm 0,6% tổng trị giá nhập khẩu trong 5 tháng đầu năm 2025, tăng so với mức 0,4% trong cùng kỳ năm 2024. Điều này cho thấy dư địa tăng trưởng còn rất lớn cho ngành chè Việt Nam. Tuy nhiên, để tận dụng cơ hội này, các doanh nghiệp xuất khẩu chè cần chủ động cập nhật và đáp ứng các quy định ngày càng khắt khe của EU về kinh tế xanh và sạch, nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng bền vững tại thị trường này.

Hoa Kỳ là thị trường nhập khẩu chè lớn thứ hai thế giới. Thị trường chè Hoa Kỳ rất đa dạng với xu hướng ưa chuộng chè đặc sản và chè hữu cơ ngày càng tăng. Các nước xuất khẩu chè chính sang Hoa Kỳ bao gồm Trung Quốc, Ấn Độ và Xri Lan-ca. Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC),

trong 5 tháng đầu năm 2025, nhập khẩu chè của Hoa Kỳ đạt 248,1 triệu USD, tăng 7,8% so với cùng kỳ năm 2024. Hoa Kỳ cũng tăng nhập khẩu chè từ Việt Nam, nhưng thị phần chè của Việt Nam chỉ chiếm 2% tổng trị giá nhập khẩu của thị trường này trong 5 tháng đầu năm 2025. Nhìn chung, mặt hàng chè của Việt Nam vẫn còn nhiều cơ hội để mở rộng thị phần tại thị trường Hoa Kỳ trong thời gian tới.

Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), trong 5 tháng đầu năm 2025, nhập khẩu chè của Anh đạt 158,7 triệu USD, tăng 4,4% so với cùng kỳ năm 2024. Anh nhập khẩu chè chủ yếu từ Ấn Độ, Kenya và Xri Lan-ca. Thị trường chè Anh đặc trưng bởi sự ưa chuộng mạnh mẽ đối với chè đen, thường được dùng kèm với sữa và đường. Chè của Việt Nam chỉ chiếm 0,2% tổng trị giá nhập khẩu chè của Anh trong 5 tháng đầu năm 2025.

Một trong số các thị trường nhập khẩu chè lớn trên thế giới là thị trường Nhật Bản, nhu cầu nhập khẩu chè của thị trường này đang có xu hướng tăng. Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), nhập khẩu chè vào thị trường Nhật Bản trong 5 tháng đầu năm 2025 đạt 68,5 triệu USD, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm 2024. Mặc dù Nhật Bản nổi tiếng với sản lượng chè xanh, nước này cũng nhập khẩu một lượng lớn chè, đặc biệt là chè đen và chè ô long. Nguồn cung cấp chè nhập khẩu



chính là từ Trung Quốc, Ấn Độ và Xri Lan-ca. Tỷ trọng nhập khẩu chè của thị trường Nhật Bản từ Việt Nam cũng tăng đáng kể trong 5 tháng đầu năm 2025, chiếm 1,6% tổng trị giá nhập khẩu, từ mức 0,5% trong cùng kỳ năm 2024.

Ngoài ra, nhu cầu chè của thị trường Úc cũng rất đa dạng, với sự quan tâm ngày càng tăng đối với các loại chè đặc sản và chè hữu cơ. Thị trường này nhập khẩu chè từ Ấn Độ, Trung Quốc và Xri Lan-ca. Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), nhập khẩu chè vào Úc trong 5 tháng đầu năm 2025 đạt 43,9 triệu USD, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm 2024. Tỷ trọng nhập khẩu chè của thị trường Úc từ Việt Nam đạt thấp, chiếm 0,3% tổng trị giá nhập khẩu trong 5 tháng đầu năm 2025, thấp hơn mức 0,5% trong cùng kỳ năm 2024. Các doanh nghiệp Việt Nam cần nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu của thị trường tiềm năng này để nâng cao thị phần chè tại thị trường này trong thời gian tới.

5 thị trường nhập khẩu chè lớn nhất thế giới và tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam

Thị trường	Các tháng năm 2025 (triệu USD)			Lũy kế (triệu USD)		Thị phần của Việt Nam (%)	
	Quý I/2025	Tháng 4/2025	Tháng 5/2025	5 tháng năm 2025	So với 5 tháng năm 2024 (%)	5 tháng năm 2025	5 tháng năm 2024
EU (Ngoại khối)	192.148	61.245	66.860	320.254	15,8	0,6	0,4
Hoa Kỳ	134.404	49.202	47.471	248.084	7,8	2,0	1,9
Anh	87.244	40.160	31.271	158.675	4,4	0,2	0,2
Nhật Bản	34.415	15.179	12.427	68.471	9,1	1,6	0,5
Úc	25.336	8.902	9.698	43.936	-10,3	0,3	0,5

Nguồn: Theo thống kê của Eurostat; ITC

THỊ TRƯỜNG SẮN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẮN

▶ *Trong tháng 7/2025, giá sắn nguyên liệu và các sản phẩm chế biến như sắn lát và tinh bột sắn của Thái Lan tăng. Thái Lan đặt mục tiêu xuất khẩu 7,5 triệu tấn sắn trong năm 2025.*

▶ *Quý II/2025, xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn của Việt Nam tăng 137% về lượng và tăng 56,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.*

▶ *Lượng sắn nhập khẩu của Trung Quốc, Thái Lan, Hoa Kỳ và thị trường Đài Loan các tháng đầu năm 2025 tăng.*

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Thái Lan: Trong quý II/2025, thị trường sắn tại Thái Lan ghi nhận nhiều biến động đáng chú ý với giá các mặt hàng có xu hướng tăng, đặc biệt là từ giữa quý trở đi. Diễn biến giá chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố, trong đó nổi bật là cung - cầu nội địa và xuất khẩu, chi phí logistics, cùng với diễn biến thị trường Trung Quốc, đối tác thương mại chính của sắn và các sản phẩm từ sắn.

Trong tháng 7/2025, giá sắn nguyên liệu và các sản phẩm từ sắn tại Thái Lan tiếp tục tăng so với cuối tháng 6/2025 do nguồn cung hạn chế và nhu cầu xuất khẩu ổn định, đặc biệt từ thị trường Trung Quốc. Cụ thể, giá sắn nguyên liệu tăng từ mức 1,80 - 2,15 Baht/kg vào cuối tháng 6/2025 lên 1,85 -2,40 Baht/kg ngày 22/7/2025; Giá sắn lát xuất khẩu của Thái Lan cũng duy trì ở mức cao, dao động quanh mức 220-230 USD/tấn, tăng nhẹ so với mức 210-220 USD/tấn cuối tháng 6/2025. Giá tinh bột sắn nội địa tăng nhẹ từ 13,4-13,5 Baht/kg lên 13,65 Baht/kg, giá xuất khẩu tăng từ 440 USD/tấn lên 450 USD/tấn, mức cao nhất trong nhiều tháng qua.

Trong những tháng đầu năm 2025, xuất khẩu sắn của Thái Lan tăng mạnh về lượng, nhưng giảm về trị giá. Theo số liệu thống kê, trong 5 tháng đầu năm 2025, Thái Lan đã xuất khẩu 4,06 triệu tấn sắn, với trị giá đạt khoảng 45,36 tỷ Baht (tương đương 1,41 tỷ USD), tăng 37,2% về lượng, nhưng giảm 12,5% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Nhu cầu nhập khẩu tinh bột sắn tại các thị trường lớn như Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản vẫn duy trì ở mức cao, trong khi nguồn cung từ Đông Nam Á không tăng tương ứng. Điều này giúp Thái Lan tận dụng cơ hội để đẩy mạnh xuất khẩu, đặc biệt nhờ chất lượng tinh bột sắn được đánh giá cao.



Cục Ngoại thương Thái Lan dự kiến sẽ tiếp tục thúc đẩy xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường và đa dạng hóa ứng dụng của sắn vào các lĩnh vực như năng lượng sinh học, sản xuất ethanol và công nghiệp chế biến. Đây là chiến lược nhằm nâng cao giá trị gia tăng và giảm phụ thuộc vào các thị trường truyền thống. Với định hướng này, Thái Lan đặt mục tiêu xuất khẩu 7,5 triệu tấn sắn trong năm 2025, khẳng định vị thế của nước này trên thị trường thế giới, đồng thời tạo thêm nguồn thu ổn định cho nền kinh tế trong bối cảnh giá cả toàn cầu biến động.

Theo dự báo từ Krungsri, ngành sắn Thái Lan trong giai đoạn 2025-2027 sẽ đối mặt với nhiều biến động về sản lượng do tác động của các hiện tượng khí hậu cực đoan như El Niño, La Niña, cùng các yếu tố nội tại như dịch bệnh cây trồng và điều kiện canh tác.

Năm 2025, sản lượng sắn Thái Lan dự kiến sẽ giảm từ 4,5 - 6,5% so với năm trước, xuống còn khoảng 26,8-27,3 triệu tấn sắn tươi. Sự sụt giảm này phản ánh cả giảm năng suất và diện tích gieo trồng, trong bối cảnh thời tiết bất lợi và dịch bệnh hoành hành, đặc biệt là bệnh khảm lá sắn.

Sang năm 2026, sản lượng dự báo sẽ

phục hồi mạnh nhờ hiện tượng La Niña và điều kiện thời tiết trung tính. Nguồn nước được cải thiện sẽ giúp nông dân mở rộng diện tích và nâng cao năng suất, nâng tổng sản lượng lên 29,8-30,3 triệu tấn, tăng 10-12% so với năm 2025. Tuy nhiên, đà phục hồi này có thể bị gián đoạn vào năm 2027 do nguy cơ hạn hán quay trở lại, kết hợp với sự tái bùng phát của sâu bệnh. Dự kiến, sản lượng năm 2027 sẽ giảm nhẹ 2,5-4,5%, còn khoảng 28,7-29,3 triệu tấn.

Về xuất khẩu, Thái Lan được dự báo sẽ ghi nhận mức tăng trưởng ổn định từ 2,7-4,7%/năm trong năm 2025 và 2026, bất chấp bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều thách thức. Nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm từ sắn tiếp tục tăng, nhất là tại Trung Quốc, thị trường nhập khẩu chủ lực, do giá ngô nội địa tăng cao và dự trữ sụt giảm, thúc đẩy nhu cầu nhập khẩu sắn cho sản xuất công nghiệp.

Ngoài ra, sắn Thái Lan ngày càng được ứng dụng rộng rãi trong các lĩnh vực như thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm, giấy và dệt may, đặc biệt ở những thị trường đang công nghiệp hóa. Xu hướng giảm tích trữ nội địa và mức nền thấp của năm 2023-2024 cũng tạo hiệu ứng so sánh tích cực, thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu trong các năm tới.

TRONG NƯỚC: GIÁ SẮN NGUYÊN LIỆU GIẢM

Trong quý II/2025, thị trường sắn Việt Nam ghi nhận xu hướng giảm giá cả nguyên liệu đầu vào và sản phẩm xuất khẩu, chủ yếu do áp lực cạnh tranh từ các nguồn cung khu vực, đặc biệt là Thái Lan. Sang tháng 7/2025, thị trường bắt đầu có dấu hiệu ổn định trở lại, giá bắt đầu tăng do nguồn cung nguyên liệu trong nước giảm và vụ sắn mới 2025/26 dự kiến bắt đầu muộn hơn 15-30 ngày, khiến nhiều nhà máy chưa thể vận hành trước tháng 9/2025.

Tại Tây Ninh, giá sắn nguyên liệu theo độ bột dao động từ 73,3-80,6 đồng/độ bột, có xu hướng tăng nhẹ do khan hiếm nguồn cung. Trong khi đó, khách hàng Trung Quốc duy trì mức giá mua thấp, dẫn đến giao dịch trầm lắng, dù phía Việt Nam đã có điều chỉnh tăng giá chào bán.

Với sản phẩm tinh bột sắn, giá xuất khẩu FOB cảng Hồ Chí Minh giữ ở mức 385-395 USD/tấn, không thay đổi so với cuối tháng 6/2025. Giá giao qua cửa khẩu chính ngạch DAF Lạng Sơn vào Trung Quốc dao động từ 2.760-2.880 CNY/tấn.

Thị trường sắn lát ghi nhận diễn biến sôi động hơn. Nguồn cung giảm nhanh do nhu cầu tiêu thụ trong và ngoài nước cùng tăng. Giá xuất khẩu FOB Quy Nhơn sang Hàn Quốc giữ ổn định ở mức 275 USD/tấn, trong khi giá xuất khẩu FOB sang Trung Quốc đạt 225 USD/tấn, tăng 5 USD/tấn so với cuối tháng 6/2025.

Nguồn cung giảm và vụ mới đến muộn sẽ tiếp tục gây áp lực tăng giá sắn trong tháng 8/2025. Sức mua từ Trung Quốc còn chậm, nhưng tồn kho đang giảm, mở ra khả năng nhập khẩu tăng trở lại. Giá sắn tại Thái Lan tăng là yếu tố hỗ trợ cho mặt bằng giá xuất khẩu của Việt Nam. Dự báo trong tháng 8/2025, thị trường sắn Việt Nam có thể ghi nhận điều chỉnh tăng giá cục bộ, đặc biệt đối với sắn lát và nguyên liệu.

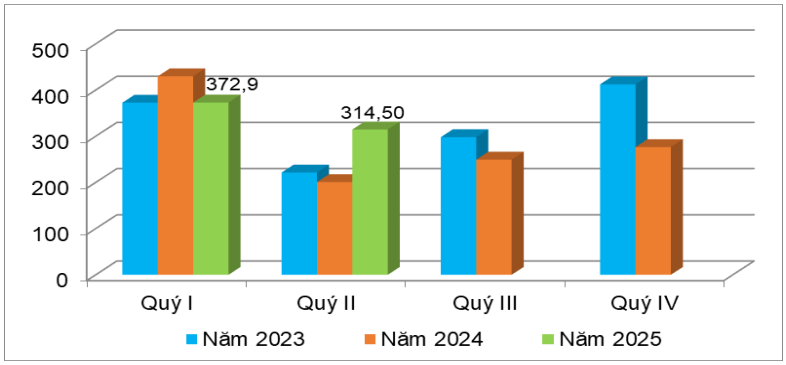
TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU SẮN VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ SẮN CỦA VIỆT NAM TRONG QUÝ II/2025

Quý II/2025 đánh dấu giai đoạn điều chỉnh trong xuất khẩu sắn của Việt Nam, sau khi tăng mạnh trong quý đầu năm nay. Theo số liệu thống kê của Cục Hải quan, trong quý II/2025, xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn của Việt Nam đạt 1,05 triệu tấn, với trị giá 314,51 triệu USD, giảm 13,2% về lượng và giảm 15,7% về trị giá so với quý I/2025; Tuy nhiên, so với quý II/2024 tăng tới 137% về lượng và tăng 56,5% về trị giá. Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn đạt trên 2,26 triệu tấn, trị giá 687,2 triệu USD, tăng 63,1% về lượng và tăng 9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024, cho thấy nhu cầu thị trường quốc tế tích cực và khả năng cạnh tranh của sắn Việt Nam được cải thiện.

+ Về thị trường xuất khẩu: Trong quý II/2025, châu Á tiếp tục là thị trường chính cho ngành sắn Việt Nam, chiếm tới 97,91% tổng trị giá xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn của cả nước. Trong quý II/2025, xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn sang khu vực châu Á

đạt 1,04 triệu tấn, trị giá 307,93 triệu USD, giảm 13,1% về lượng và giảm 15,4% về trị giá so với quý I/2025; Tuy nhiên so với quý II/2024 tăng tới 138,7% về lượng và tăng 57,8% về trị giá. Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn sang khu vực châu Á đạt trên 2,23 triệu tấn, trị giá 671,66 triệu USD, tăng 63% về lượng và tăng 8,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

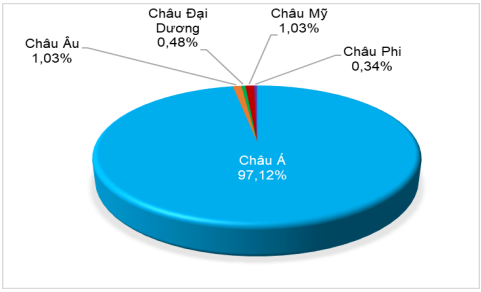
Xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn qua các quý từ năm 2023 - 2025 (ĐVT: triệu USD)



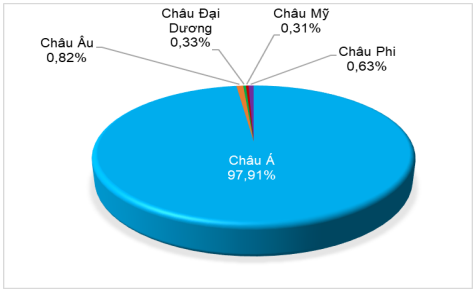
Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam

Cơ cấu khu vực xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn của Việt Nam
(Tỷ trong % tính theo trị giá)

Quý II/2024



Quý II/2025



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Trong quý II/2025, Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn lớn nhất của Việt Nam, chiếm 94,14% về lượng và chiếm 92,48% về trị giá trong tổng xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn của cả nước, đạt 900,09 nghìn tấn, trị giá 290,86 triệu USD, giảm 14,5% về lượng và giảm 16,8% về trị giá so với quý I/2025; nhưng so với quý II/2024 tăng 165,9% về lượng và tăng 71,4% về trị giá. Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn sang Trung Quốc đạt trên 2,14 triệu tấn, trị giá 640,22 triệu USD, tăng 70,3% về lượng và tăng 12,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Bên cạnh Trung Quốc, xuất khẩu tới một số thị trường khác có mức tăng trưởng đáng chú ý trong quý II/2025, mở ra tiềm năng mở rộng và đa dạng thị trường xuất khẩu cho ngành sắn như: Xuất khẩu sang Nhật Bản ghi nhận mức tăng đột biến với sản lượng tăng 1.109,1% và trị giá tăng 1.431,8% so với quý II/2024, đạt 5.465 tấn và 1,88 triệu USD; Xuất khẩu sang Nam Phi tăng 147,8% về lượng và 85,3% về trị giá, đạt gần 2.000 tấn. Điều này cho thấy châu Phi là khu vực tiềm năng trong chiến lược mở rộng thị trường. Xuất khẩu tới Pa-pua Niu Ghi-nê và Hà Lan cũng ghi nhận mức tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ năm 2024, cho thấy khả năng tiếp cận tốt tại các thị trường mới.

Trong khi đó, xuất khẩu tới một số thị trường lại ghi nhận mức sụt giảm mạnh như: Ma-lai-xi-a giảm mạnh 40,9% cả về lượng và trị giá so với quý trước, giảm 13,8% về lượng và giảm 36,8% về trị giá so với quý II/2024, cho thấy nhu cầu yếu đi rõ rệt. Xuất khẩu tới Hàn Quốc tuy tăng mạnh so với quý I/2025, nhưng so với cùng kỳ năm 2024 vẫn giảm tới 75,2% về lượng và giảm 78,2% về trị giá.

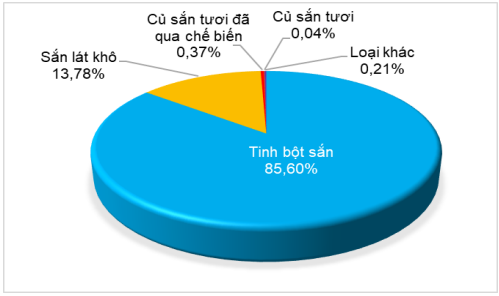
+ Về chủng loại xuất khẩu:

Trong quý II/2025, các chủng loại sắn và các sản phẩm từ sắn xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu là tinh bột sắn, sắn lát khô, củ sắn tươi đã qua chế biến. Trong đó, tinh bột sắn là mặt hàng được xuất khẩu nhiều nhất với 717,93 nghìn tấn, trị giá 248,25 triệu USD, giảm 13,9% về lượng và giảm 17,4% về trị giá so với quý I/2025; Tuy nhiên so với quý II/2024 tăng tới 111,7% về lượng và tăng 44,4% về trị giá. Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, Việt Nam xuất khẩu 1,55 triệu tấn tinh bột sắn, trị giá 548,23 triệu USD, tăng 45,7% về lượng và tăng 0,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024, chủ yếu xuất khẩu sang Trung Quốc, thị trường Đài Loan, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Pa-pua Niu Ghi-nê, Ý, Hà Lan...

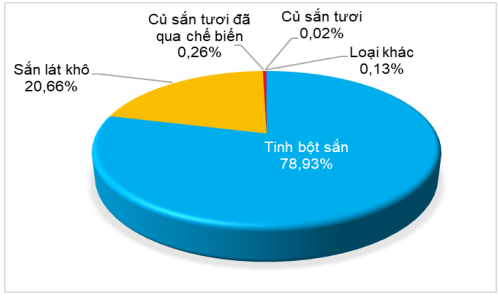
Đứng thứ hai là sắn lát khô. Trong quý II/2025, xuất khẩu sắn lát khô đạt 331,87 nghìn tấn, trị giá 64,97 triệu USD, giảm 11,6% về lượng và giảm 8,7% về trị giá so với quý I/2025; nhưng so với quý II/2024 tăng tới 222% về lượng và tăng 134,7% về trị giá. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu sắn lát khô đạt 707,26 nghìn tấn, trị giá 136,14 triệu USD, tăng 118,1% về lượng và tăng 61,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Sắn lát khô được xuất khẩu chủ yếu sang các thị trường: Trung Quốc, Phi-líp-pin, Hàn Quốc, Ma-lai-xi-a và Pa-pua Niu Ghi-nê.

Chủng loại sắn và phẩm sắn xuất khẩu của Việt Nam *(Tỷ trọng % tính theo trị giá)*

Quý II/2024



Quý II/2025



Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

+ Về giá xuất khẩu: Trong quý II/2025, giá bình quân xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn đều giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, giá bình quân xuất khẩu tinh bột sắn đạt mức 346 USD/tấn, giảm 31,8%; Giá bình quân xuất khẩu sắn lát khô đạt mức 196 USD/tấn, giảm 27,1% so với cùng kỳ năm 2024. Giá xuất khẩu giảm sâu khiến trị giá xuất khẩu giảm.

Số liệu thống kê cho thấy, xuất khẩu sắn và sản phẩm từ sắn của Việt Nam sang Trung Quốc tăng mạnh, bù đắp cho sự sụt giảm tại một số thị trường khác. Tuy nhiên, sự phụ thuộc quá lớn vào thị trường Trung Quốc cũng đặt ra rủi ro, khiến ngành sắn dễ tổn thương khi nước này điều chỉnh chính sách nhập khẩu, tồn kho, hoặc siết kiểm soát chất lượng. Trong bối cảnh cạnh tranh khu vực ngày càng tăng, Việt Nam cần duy trì ổn định sản lượng và chất lượng sắn, đặc biệt là đảm bảo truy xuất nguồn gốc, kiểm soát dư lượng để đáp ứng các quy định nhập khẩu nghiêm ngặt từ Trung Quốc; Đẩy mạnh chế biến sâu và sản phẩm có giá trị gia tăng cao nhằm nâng cao hiệu quả xuất khẩu; Đa dạng hóa thị trường thông qua xúc tiến thương mại, đàm phán FTA, và xây dựng thương hiệu tại các thị trường tiềm năng như Hoa Kỳ, In-đô-nê-xi-a, Hàn Quốc và các nước châu Phi.

NHẬP KHẨU SẮN LÁT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ SẮN CỦA 5 THỊ TRƯỜNG LỚN NHẤT THẾ GIỚI VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Trong các tháng đầu năm 2025, lượng sắn nhập khẩu của nhiều thị trường lớn như Trung Quốc, Thái Lan, Hoa Kỳ và Đài Loan đều ghi nhận xu hướng tăng so với cùng kỳ năm 2024. Xu hướng này phản ánh sự phục hồi mạnh mẽ của các ngành công nghiệp chế biến, thực

phẩm và năng lượng sinh học tại những quốc gia này, vốn là nhóm ngành sử dụng nhiều nguyên liệu từ sắn. Thái Lan vừa là quốc gia sản xuất lớn, vừa tăng cường nhập khẩu để cân đối nguồn cung trong bối cảnh nhu cầu xuất khẩu mạnh và thiếu hụt nội địa tạm thời. Điều này mở ra cơ hội cung ứng nguyên liệu trung gian cho các nhà máy chế biến quy mô lớn tại Thái Lan.

Ngoài Trung Quốc và thị trường Đài Loan, nơi sắn và sắn phẩm sắn của Việt Nam chiếm thị phần lớn, thì tại các thị trường tiềm năng khác như Hoa Kỳ, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, sắn Việt Nam thị phần sắn Việt Nam vẫn ở mức thấp. Điều này một mặt phản ánh sự cạnh tranh gay gắt từ các nhà cung cấp trong khu vực, đồng thời cũng cho thấy dư địa tăng trưởng nếu có chiến lược tiếp cận phù hợp.

Trong quý II/2025, Trung Quốc tiếp tục là thị trường nhập khẩu sắn và tinh bột sắn lớn nhất thế giới, chủ yếu phục vụ ngành thực phẩm chế biến, thức ăn chăn nuôi và ethanol công nghiệp. Sắn Việt Nam hiện giữ thị phần lớn tại thị trường này, nhưng vẫn đối mặt với sức ép cạnh tranh từ Thái Lan và Lào. Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong quý II/2025, Trung Quốc nhập khẩu 3,52 triệu tấn sắn và sản phẩm từ sắn, với trị giá 911,19 triệu USD, tăng 32,1% về lượng và tăng 16,2% về trị giá so với quý I/2025; So với quý II/2024 tăng 133,8% về lượng và tăng 52,7% về trị giá. Thái Lan, Việt Nam, Lào và Căm-pu-chia là 4 thị trường cung cấp sắn và sản phẩm từ sắn chủ yếu cho Trung Quốc. Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, Trung Quốc nhập khẩu 6,19 triệu tấn sắn và sản phẩm từ sắn, trị giá 1,69 tỷ USD, tăng 91% về lượng và tăng 27,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Thái Lan là thị trường cung cấp sắn và sản phẩm từ sắn lớn nhất cho Trung Quốc trong quý II/2025, đạt 2,21 triệu tấn, trị giá 518,06 triệu USD, tăng 110,7% về lượng và tăng 32,9% về trị giá so với quý II/2025. Thị phần sắn và sản phẩm từ sắn của Thái Lan chiếm 62,6% về lượng và chiếm 56,85% về trị giá trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc trong quý II/2025.

Trong quý II/2025, Việt Nam là thị trường cung cấp sắn và sản phẩm từ sắn lớn thứ hai cho Trung Quốc, với 1,04 triệu tấn, trị giá 301,66 triệu USD, tăng 8,3% về lượng, nhưng giảm 1,5% về trị giá so với quý I/2025; So với quý II/2024 tăng 197,4% về lượng và tăng 97,7% về trị giá. Thị phần sắn và sản phẩm từ sắn của Việt Nam chiếm 29,54% về lượng và chiếm 33,11% về trị giá trong tổng nhập khẩu sắn và sản phẩm từ sắn của Trung Quốc trong quý II/2025.

Sự gia tăng nhập khẩu sắn tại nhiều thị trường lớn trong nửa đầu năm 2025 là một tín hiệu tích cực, cho thấy cầu thị trường đang phục hồi sau giai đoạn giảm. Tuy nhiên, để tận dụng được cơ hội này, ngành sắn Việt Nam cần đẩy mạnh đa dạng hóa thị trường, giảm phụ thuộc vào Trung Quốc. Với dư địa thị trường còn lớn, nếu có chiến lược tiếp cận phù hợp, sắn Việt Nam có thể nâng cao vị thế trên thị trường xuất khẩu toàn cầu trong thời gian tới.

5 thị trường nhập sắn và các sản phẩm từ sắn lớn nhất trong các tháng đầu năm 2025 và thị phần của Việt Nam

Thị trường	Quý I/2025		Năm 2025 (triệu USD)				Lũy kế năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024 (%)	Thị phần của Việt Nam (%)
	Kim ngạch (triệu USD)	Thị phần của Việt Nam (%)	Tháng 4/2025	Tháng 5/2025	Tháng 6/2025	Lũy kế từ đầu năm 2025		
Trung Quốc	784,20	39,04	308,73	288,74	313,72	1.695	27,9	35,85
Thái Lan	458,13	0,00	85,55	48,64		592,31	20,0	0,00
Hoa Kỳ	63,25	3,10	24,52	22,82		110,59	10,0	3,55
Đài Loan	35,42	15,61	9,96	12,44	10,98	68,80	-26,2	14,64
In-đô-nê-xi-a	45,56	0,09	9,85	5,71		61,12	-46,4	0,77

Nguồn: ITC, Cơ quan Hải quan Trung Quốc

THỊ TRƯỜNG THỊT

- *Tổng đàn lợn tại Hoa Kỳ tháng 6/2025 phục hồi nhẹ.*
- *Theo số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong 6 tháng đầu năm 2025, nhập khẩu thịt trâu, bò; thịt và phụ phẩm của gia cầm của Trung Quốc giảm so với cùng kỳ năm 2024, trong khi nhập khẩu thịt lợn tăng.*
- *Trong tháng 07/2025, giá lợn hơi trong nước giảm so với tháng 06/2025, dao động khoảng 62.000 - 71.000 đồng/kg.*
- *Quý II/2025, xuất khẩu thịt và sản phẩm thịt của Việt Nam tăng 1,6% về lượng và tăng 15,9% về trị giá so với quý II/2024; Nhập khẩu thịt và sản phẩm từ thịt tăng 9,8% về lượng và tăng 12,3% về trị giá.*

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

+ Hoa Kỳ: Tính đến ngày 1/6/2025, tổng đàn lợn tại các trang trại ở Hoa Kỳ đạt 75,1 triệu con, tăng nhẹ 0,3% so với cùng kỳ năm trước và tăng 1% so với tổng đàn ghi nhận ngày 1/3/2025 (74,7 triệu con). Trong đó, 69,2 triệu con là lợn thịt, còn lại 5,98 triệu con là nái sinh sản.

+ Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong 6 tháng đầu năm 2025 Trung Quốc giảm nhập khẩu thịt trâu, bò và gia cầm, tăng nhập khẩu thịt lớn, cụ thể như sau:

* *Thịt trâu, bò:* Trong 6 tháng đầu năm 2025, Trung Quốc nhập khẩu 1,3 triệu tấn thịt trâu, bò (HS 0201; 0202), trị giá 6,65 tỷ USD, giảm 9,5% về lượng và giảm 3,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024, chủ yếu nhập khẩu từ các thị trường Bra-xin, Ác-hen-ti-na, Úc, Hoa Kỳ, U-ru-goay, Niu Di-Lân, Bô-li-vi-a, Nga... Trong đó, lượng thịt trâu bò nhập khẩu của Trung Quốc từ thị trường Úc, Nga tăng mạnh, trong khi nhập khẩu từ các thị trường khác hầu hết đều giảm so với cùng kỳ năm 2024.

* *Thịt gia cầm:* 6 tháng đầu năm 2025, Trung Quốc nhập khẩu 439,8 nghìn tấn thịt và phụ phẩm của gia cầm (HS 0207), với trị giá 1,31 tỷ USD, giảm 0,9% về lượng và giảm 5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024, chủ yếu nhập khẩu từ Bra-xin, Nga, Thái Lan, Hoa Kỳ, Bê-la-rút, Chi-lê... Trung Quốc nhập khẩu thịt và phụ phẩm gia cầm từ Bra-xin, Thái Lan, Nga tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2024, trong khi đó giảm mạnh nhập khẩu từ thị trường Hoa Kỳ, Bê-la-rút.

* *Thịt lợn:* Lượng thịt lợn (HS 0203) nhập khẩu của Trung Quốc trong 6 tháng đầu năm 2025 tăng 5,1% về lượng và tăng 9,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024, với lượng đạt 530,03 nghìn tấn, trị giá 1,06 tỷ USD. Các thị trường cung cấp thịt lợn lớn cho Trung Quốc gồm Tây Ban Nha, Bra-xin, Hà Lan, Đan Mạch, Chi-lê, Ca-na-đa, Hoa Kỳ, Pháp, Anh và Nga. Trong đó chỉ có lượng nhập khẩu từ Bra-xin giảm so với cùng kỳ năm 2024, còn nhập khẩu từ các thị trường khác nêu trên đều tăng, đáng chú ý lượng nhập khẩu từ Nga tăng rất mạnh.

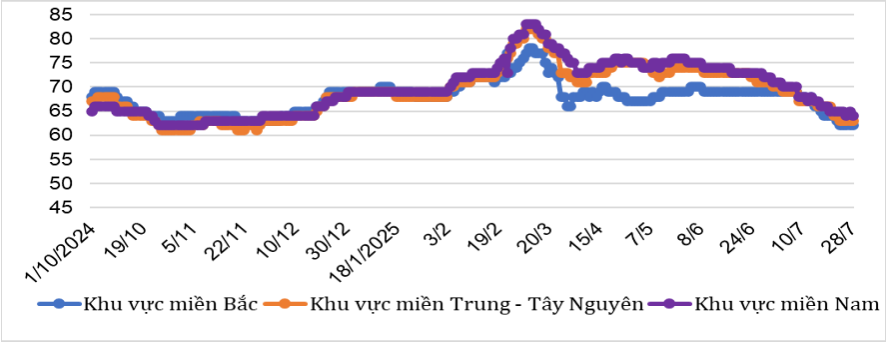


THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Những tháng đầu năm 2025, giá thịt lợn trong nước tăng do dịch tả lợn châu Phi (ASF) bùng phát trở lại khiến nguồn cung lợn giảm. Tuy nhiên, sang tháng 07/2025, giá lợn hơi trên cả nước có xu hướng giảm so với tháng 06/2025, dao động khoảng 62.000 - 71.000 đồng/kg. Cụ thể:

Cuối tháng 7/2025, giá lợn hơi tại khu vực miền Bắc dao động trong khoảng 62.000 - 69.000 đồng/kg, giảm 5.000 - 7.000 đồng/kg so với cuối tháng 06/2025; Giá lợn hơi tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên dao động trong khoảng 71.000 - 74.000 đồng/kg, giảm từ 7.000 - 9.000 đồng/kg; Giá lợn hơi tại khu vực miền Nam cuối tháng 7/2025 dao động trong khoảng 64.000 - 71.000 đồng/kg, giảm từ 7.000 - 9.000 đồng/kg so với những ngày cuối tháng 06/2025.

Diễn biến giá lợn hơi trong nước từ đầu tháng 10/2024 đến nay
(Đơn vị tính: nghìn đồng)



Nguồn: Trung tâm Công nghiệp và thương mại tổng hợp

TÌNH HÌNH XUẤT, NHẬP KHẨU THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT CỦA VIỆT NAM TRONG QUÝ II/2025

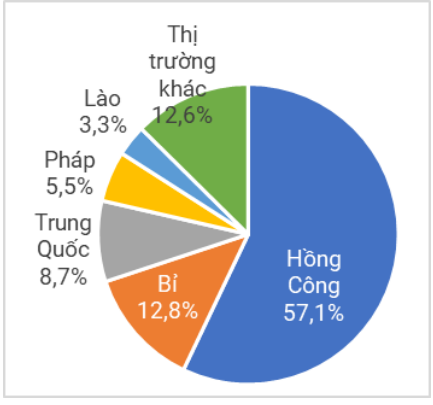
+ Tình hình xuất khẩu:

Theo số liệu thống kê của Cục Hải quan Việt Nam, trong quý II/2025, Việt Nam xuất khẩu được 6,29 nghìn tấn thịt và sản phẩm thịt, trị giá 30,08 triệu USD, tăng 17,7% về lượng và tăng 0,4% về trị giá so với quý I/2025; So với quý II/2024 tăng 1,6% về lượng và tăng 15,9% về trị giá.

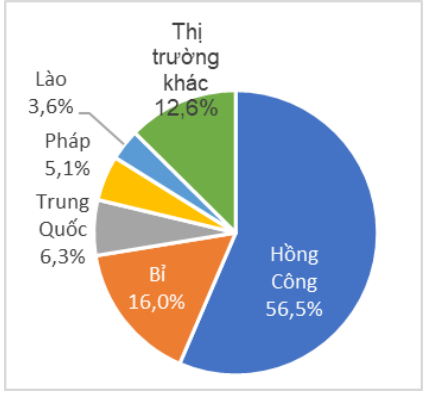
Việt Nam xuất khẩu thịt và sản phẩm thịt chủ yếu sang các thị trường thuộc khu vực châu Á, trong đó xuất khẩu sang thị trường Hồng Công chiếm 39,91% về lượng và chiếm 57,07% về trị giá, đạt 2,5 nghìn tấn, trị giá 17,16 triệu USD, giảm 14,5% về lượng và giảm 12,9% về trị giá so với quý I/2025; So với quý II/2024 giảm 2,5% về lượng, tăng 17,2% về trị giá.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu thịt và sản phẩm thịt của Việt Nam *(Tỷ trọng % tính theo trị giá)*

Quý II/2025



Quý II/2024



Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Trong quý II/2025, các chủng loại thịt và sản phẩm từ thịt xuất khẩu chủ yếu gồm: Thịt khác và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ của động vật khác, tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh (chủ yếu là thịt ếch đông lạnh) được xuất khẩu chủ yếu sang Bỉ, Pháp, Hoa Kỳ, Tây Ban Nha, Ca-na-đa ...; Thịt lợn tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh (chủ yếu là thịt lợn sữa nguyên con đông lạnh và thịt lợn nguyên con đông lạnh) được xuất khẩu chủ yếu sang thị trường Hồng Công; Thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của gia cầm tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh (chủ yếu là chân gà đông lạnh) được xuất khẩu chủ yếu sang Hồng Công, Trung Quốc, Lào... Đáng chú ý, xuất khẩu các chủng loại thịt và các sản phẩm từ thịt đều tăng trưởng tốt so với cùng kỳ năm 2024.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, Việt Nam xuất khẩu thịt và sản phẩm thịt của Việt Nam đạt 11,6 nghìn tấn, trị giá 60,03 triệu USD, tăng 0,9% về lượng và tăng 20,9% về trị giá so với 6 tháng đầu năm 2024.

Thời gian qua Việt Nam đã có nhiều hoạt động đẩy mạnh xúc tiến xuất khẩu thịt và các sản phẩm thịt, với sản phẩm gia cầm, đặc biệt là các sản phẩm gia cầm chế biến chín đã được xuất khẩu sang các thị trường khó tính như Nhật Bản, Hồng Công, Hàn Quốc... và một số thị trường thuộc Liên minh châu Âu.

Dự báo xuất khẩu thịt và sản phẩm thịt của Việt Nam sẽ tiếp tục tăng, các mặt hàng xuất khẩu chính chủ yếu vẫn là thịt lợn sữa đông lạnh, thịt lợn đông lạnh, chân gà đông lạnh, thịt ếch đông lạnh...

+ Tình hình nhập khẩu: Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, quý II/2025, Việt Nam nhập khẩu 236,9 nghìn tấn thịt và sản phẩm từ thịt, trị giá 463,37 triệu USD, tăng 10,6% về lượng và tăng 6% về trị giá so với quý I/2025; So với quý II/2024 tăng 9,8% về lượng và tăng 12,3% về trị giá.

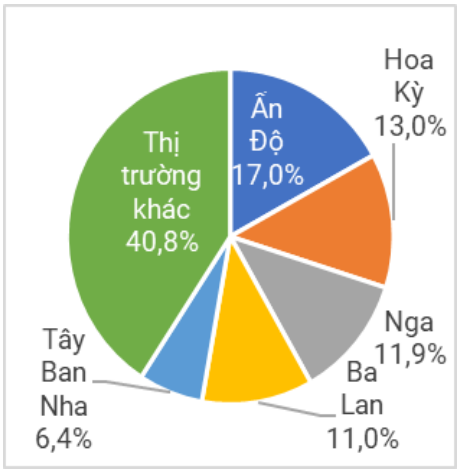
Trong quý II/2025, Ấn Độ, Nga, Hoa Kỳ, Úc, Bra-xin, Ca-na-đa, Ba Lan, là những thị trường lớn nhất (tính theo trị giá) cung cấp thịt và sản phẩm từ thịt cho Việt Nam. Trong đó, nhập khẩu thịt và các sản phẩm từ thịt từ thị trường Úc, Ca-na-đa, Ba Lan tăng mạnh,

Ấn Độ vẫn là thị trường lớn nhất cung cấp thịt và sản phẩm từ thịt cho Việt Nam trong quý II/2025 với 40,2 nghìn tấn, trị giá 142,58 triệu USD, giảm 5,1% về lượng và giảm 1,7% về trị giá so với quý I/2025; Tuy nhiên so với quý II/2024, vẫn tăng 3,8% về lượng và tăng 8,4% về trị giá.

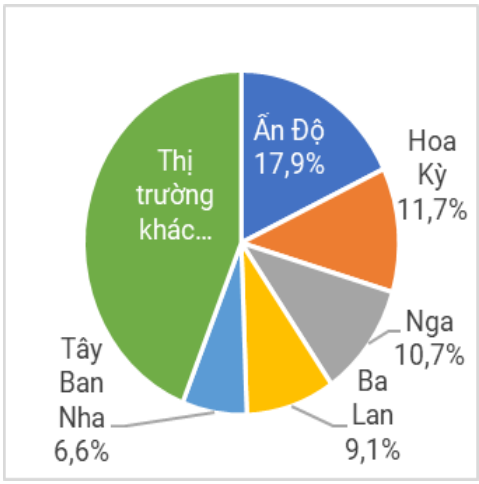
Cơ cấu thị trường cung cấp thịt và các sản phẩm từ thịt cho Việt Nam

(Tỷ trọng % tính theo lượng)

Quý II/2025



Quý II/2024



Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam



Trong quý II/2025, thịt và các sản phẩm từ thịt nhập khẩu chủ yếu là các chủng loại như: Thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của gia cầm; Phụ phẩm ăn được sau giết mổ của lợn, trâu, bò sống; Thịt trâu tươi đông lạnh; Thịt lợn tươi đông lạnh; Thịt bò tươi đông lạnh... Trong đó, lượng nhập khẩu lợn, thịt trâu, bò, thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ, của gia cầm; Thịt và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ, muối, ngâm nước muối, làm khô hoặc hun khói; Bột mịn và bột thô ăn được làm từ thịt hoặc phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ tăng. Đáng chú ý lượng nhập khẩu mõ lợn đông lạnh tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2024.

Trái lại, lượng nhập khẩu phụ phẩm ăn được sau giết mổ của lợn, trâu, bò sống ướp lạnh hoặc đông lạnh; Thịt cừu tươi ướp lạnh hoặc đông lạnh; Thịt khác và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ của động vật khác, tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh giảm so với cùng kỳ năm 2024.

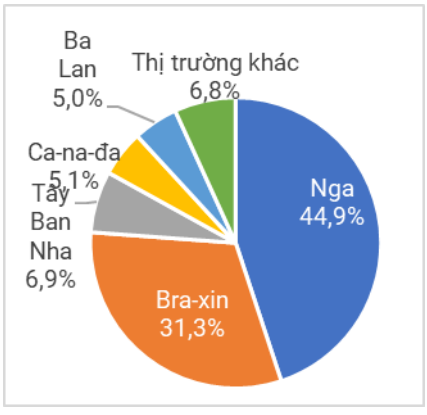
Trong quý II/2025, Việt Nam nhập khẩu 34,5 nghìn tấn thịt lợn, trị giá 92,33 triệu USD, giảm 0,3% về lượng, nhưng tăng 0,5% về trị giá so với quý I/2025; Còn so với quý II/2024 tăng 26,5% về lượng và tăng 50,3% về trị giá. Nga, Bra-xin, Tây Ban Nha, Ca-na-da, Ba Lan là 5 thị trường lớn nhất cung cấp thịt lợn cho Việt Nam trong quý II/2025. Trong đó, Nga là thị trường lớn nhất cung cấp thịt lợn cho Việt Nam với 15,5 nghìn tấn, trị giá 46,83 triệu USD, giảm 10,3% về lượng và giảm 7,6% về trị giá so với quý I/2025, nhưng so với quý II/2024 tăng 74,9% về lượng và tăng 124,2% về trị giá.

Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, 6 tháng đầu năm 2025, Việt Nam nhập khẩu 451,2 nghìn tấn thịt và sản phẩm từ thịt, trị giá 900,56 triệu USD, tăng 11,8% về lượng và tăng 14,9% về trị giá so với 6 tháng đầu năm 2024.

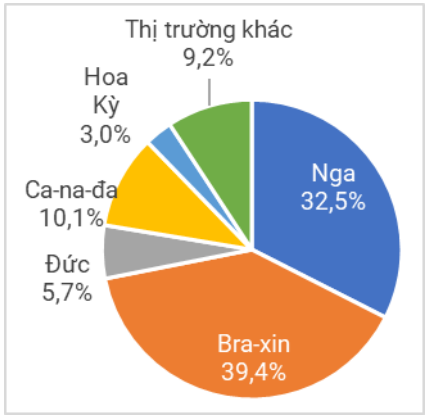
Thời gian tới, do nguồn cung thịt của Việt Nam được cải thiện, dự kiến nhập khẩu thịt và các sản phẩm thịt sẽ khó có sự tăng đột biến.

Cơ cấu thị trường cung cấp thịt lợn cho Việt Nam *(Tỷ trọng % tính theo lượng)*

Quý II/2025



Quý II/2024



Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN

▶ *Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump đã tuyên bố áp mức thuế 25% đối với hàng hóa nhập khẩu từ Ấn Độ, bắt đầu có hiệu lực từ ngày 1/8/2025. Ngành tôm Ấn Độ sẽ chịu ảnh hưởng lớn từ chính sách mới này.*

▶ *Trong tuần 21–27/7/2025, giá cá rô phi tại các vùng nuôi trọng điểm của Trung Quốc như Quảng Đông, Hải Nam và Quảng Tây tiếp tục giảm mạnh.*

▶ *Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam quý II/2025 tăng 6,6% về lượng và tăng 13,3% về trị giá so với quý II/2024.*

▶ *Nhập khẩu thủy sản của EU, Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc các tháng đầu năm 2025 có xu hướng tăng.*

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- *Hoa Kỳ*: Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump đã tuyên bố áp mức thuế 25% đối với hàng hóa nhập khẩu từ Ấn Độ, bắt đầu có hiệu lực từ ngày 1/8/2025.

Ngành tôm Ấn Độ sẽ chịu ảnh hưởng lớn từ chính sách mới này. Năm 2024, Ấn Độ đã xuất khẩu khoảng 304.000 tấn tôm sang Hoa Kỳ, trị giá 2,38 tỷ USD, tăng 14% về lượng và tăng 13% về giá trị so với năm 2023. Ngoài các mức thuế chống bán phá giá (AD) và thuế chống trợ cấp (CVD) hiện hành, Ấn Độ sẽ phải đối mặt với mức thuế chung của Hoa Kỳ lên tới 33,26% (bao gồm AD 2,49% và CVD 5,77%).

So với Ê-cu-a-đo, nước xuất khẩu tôm lớn thứ hai sang Hoa Kỳ, Ấn Độ đang ở thế bất lợi rõ rệt. Ê-cu-a-đo hiện chỉ chịu tổng thuế 13,78% (bao gồm CVD 3,78%) và chưa bị áp thêm thuế mới từ Hoa Kỳ. Trong khi đó, In-đô-nê-xi-a đang chịu tổng mức thuế là 22,9% (AD 3,9% và thuế đối ứng 19%).

Mức thuế mới của Hoa Kỳ áp dụng chung cho các nhà xuất khẩu không có thuế riêng biệt, tuy nhiên vẫn có ngoại lệ với một số công ty cụ thể. Trong số đó, Devi Sea Foods Limited chịu mức thuế 5,87%, còn Sandhya Aqua Exports là 5,63%.

- *Trung Quốc*: Trong tuần 21–27/7/2025, giá cá rô phi tại các vùng nuôi trọng điểm của Trung Quốc như Quảng Đông, Hải Nam và Quảng Tây tiếp tục giảm mạnh. Tại Quảng Đông, giá cá cỡ 500–800g giao cho nhà máy



đã giảm thêm 0,20 USD/kg so với tuần trước, xuống mức thấp chưa từng có. Một số giao dịch thực tế thậm chí xuống dưới 7 NDT/kg – mức thấp gây lỗ cho người nuôi.

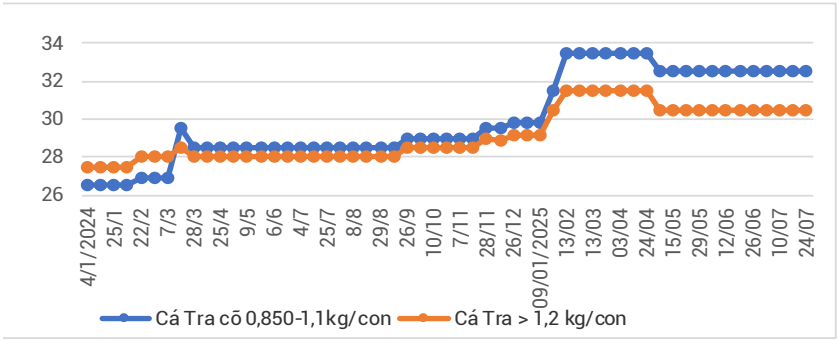
Giá cá bán vào thị trường nội địa còn thấp hơn khoảng 0,40 NDT/kg so với bán cho nhà máy chế biến do chi phí tuân thủ tiêu chuẩn xuất khẩu, như xử lý nước thải và đăng ký doanh nghiệp.

Nhu cầu yếu từ thị trường Hoa Kỳ, khách hàng lớn nhất của cá rô phi Trung Quốc, đang khiến tình hình thêm khó khăn. Các nhà máy chế biến tại Hải Nam và Quảng Đông cho biết vẫn chưa nhận được đơn hàng mới nào từ Hoa Kỳ.

GIÁ NGUYÊN LIỆU TRONG NƯỚC

* Những ngày cuối tháng 7/2025, giá cá tra nguyên liệu tại Đồng bằng sông Cửu Long ổn định so với những ngày cuối tháng 6/2025, dao động ở mức 29.000 – 32.000 đồng/kg. Giá cá tra nguyên liệu tại An Giang cỡ 0,85 - 1,1 kg/con dao động từ 31.000 – 32.000 đồng/kg; giá cá tra cỡ > 1,2 kg/con dao động từ 29.000 – 30.000 đồng/kg.

Giá nguyên liệu cá tra tại An Giang từ đầu năm 2024 đến nay
(ĐVT: đồng/kg)

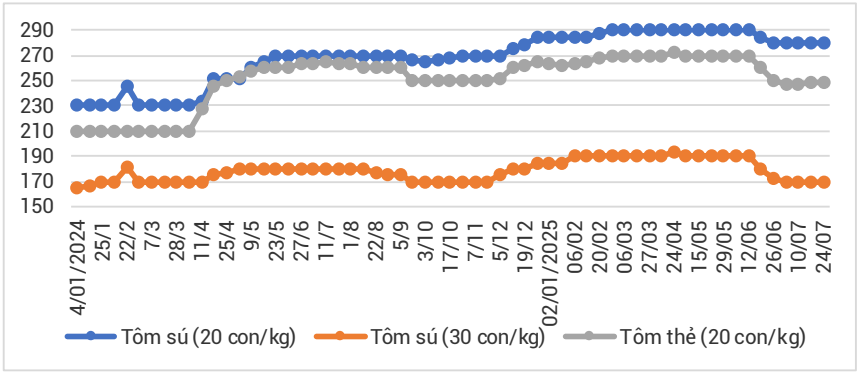


Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

* Giá nguyên liệu tôm tại một số tỉnh biến động như sau:

+ Tại Phú Yên: Những ngày cuối tháng 7/2025 giá nguyên liệu tôm sú vẫn ổn định so với những ngày cuối tháng 6/2025, cụ thể: Đối với cỡ 50 con/kg ở mức 220.000 đồng/kg; Cỡ 40 con/kg ở mức 250.000 đồng/kg; Cỡ 30 con/kg ở mức 300.000 đồng/kg.

Giá nguyên liệu tôm tại Cà Mau từ đầu năm 2024 đến nay
(ĐVT: đồng/kg)



Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

Giá nguyên liệu tôm thẻ cỡ 100 con/kg giảm 1.000 đồng/kg, đạt mức 104.000 đồng/kg.

+ Tại Quảng Bình: Những ngày cuối tháng 7/2025 giá nguyên liệu tôm đất, tôm bộp, tôm sú, tôm hùm, tôm thẻ giảm so với những ngày cuối tháng 6/2025. Cụ thể: Đối với tôm đất cỡ 40 - 50 con/kg đạt 380.000 đồng/kg, giảm 40.000 đồng/kg; tôm bộp cỡ 45 - 50 con/kg đạt 420.000 đồng/kg, giảm 60.000 đồng/kg; tôm sú cỡ 20 - 30 con/kg đạt 430.000 đồng/kg, giảm 50.000 đồng/kg; riêng tôm hùm cỡ 3 - 5 con/kg ổn định, đạt 1.250.000 đồng/kg.

+ Tại Cà Mau: Trong những ngày cuối tháng 7/2025, giá nguyên liệu tôm tôm sú cỡ 20 con/kg đạt 280.000 đồng/kg, ổn định; Tôm sú cỡ 30 con/kg đạt 170.000 đồng/kg, giảm 2.000 đồng/kg; Tôm thẻ cỡ 20 con/kg đạt 249.000 đồng/kg, giảm 1.000 đồng/kg.

* Giá nguyên liệu mực, cá thu, cá ngừ tại Đà Nẵng: Cuối tháng 7/2025, giá nguyên liệu mực ống Loại 1 (>20cm) đạt mức 220.000 đồng/kg; giá mực ống Loại 2 (<20cm) ở mức 200.000 đồng/kg, đều tăng 10.000 đồng/kg so với những ngày cuối tháng 6/2025.

Giá nguyên liệu cá thu Loại 1 đạt 190.000 đồng/kg; Loại 2 đạt 160.000 đồng/kg, đều tăng 10.000 đồng/kg so với những ngày cuối tháng 6/2025.

Giá nguyên liệu cá ngừ Loại 1 đạt 70.000 đồng/kg, ổn định; Cá ngừ Loại 2 đạt 40.000 đồng/kg, giảm 10.000 đồng/kg so với những ngày cuối tháng 6/2025.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU THỦY SẢN CỦA VIỆT NAM

Theo thống kế từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam quý II/2025 đạt 622,5 nghìn tấn, trị giá 2,8 tỷ USD, tăng 20,7% về lượng và tăng 21,2% về trị giá so với quý I/2025, tăng 6,6% về lượng và tăng 13,3% về trị giá so với quý II/2024.

Trong quý II/2025, xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản tăng trưởng mạnh so với quý I/2025 và quý II/2024 như: tôm các loại, mực các loại; trong khi xuất khẩu các mặt hàng khác tăng giảm chưa đồng đều.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 1,13 triệu tấn, trị giá 5,11 tỷ USD, tăng 7,5% về lượng và tăng 15,9% về trị giá so với 6 tháng đầu năm 2024. Trong đó, đóng góp nhiều nhất vào mức tăng trưởng này là tôm các loại – mặt hàng lớn nhất tính theo trị giá, tăng tới 71,3% về lượng và tăng 40,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024, chiếm 28,6% về lượng và 44,7% về trị giá trong tổng xuất khẩu thủy sản 6 tháng đầu năm 2025. Cùng với đó, xuất khẩu các mặt hàng mực, cua, ốc, sò các loại cũng đóng góp nhiều vào kết quả xuất khẩu trong 6 tháng đầu năm 2025.

Nhu cầu tiêu dùng thủy sản sẽ tiếp tục phục hồi ở nhiều thị trường, đặc biệt ở các thị trường lớn. Do đó, các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam cần tập trung vào các sản phẩm chế biến, giá trị gia tăng cao sẽ giúp nâng cao giá trị xuất khẩu và giảm sự phụ thuộc vào các sản phẩm thô. Bên cạnh đó, tận dụng các lợi thế từ các Hiệp định thương mại tự do (FTA) như EVFTA và CPTPP tiếp tục tạo lợi thế cạnh tranh cho thủy sản Việt Nam tại các thị trường như EU và Nhật Bản...

Mặt hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam quý II/2025 và 6 tháng đầu năm 2025

Mặt hàng	Quý II/2025		So với quý I/2025 (%)		So với quý II/2024 (%)		6 tháng đầu năm 2025		So với cùng kỳ năm 2024 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng	**622.587**	**2.801.842**	**20,7**	**21,2**	**6,6**	**13,3**	**1.138.198**	**5.113.100**	**7,5**	**15,9**
Tôm các loại	237.232	1.385.914	168,6	53,7	116,6	45,8	325.540	2.287.673	71,3	40,5
Cá tra, basa	172.249	462.481	-13,4	5,0	-28,6	-10,7	371.068	902.869	-14,6	-3,0
Cá đông lạnh	57.002	268.476	-5,2	-3,1	1,5	-0,4	117.127	545.520	6,4	6,5
Cá ngừ các loại	36.354	194.139	-18,6	-10,7	-31,4	-24,3	81.002	411.600	-16,1	-12,7
Mực các loại	18.666	100.183	61,0	24,3	32,6	21,9	30.260	180.761	19,5	16,3
Chả cá	30.924	74.551	-6,9	13,2	-7,4	11,8	64.151	140.430	0,5	10,1
Cá khô	13.589	51.180	-44,6	-36,5	-17,7	-29,6	38.119	131.763	6,9	-7,9
Cua các loại	6.582	61.020	-11,1	-2,4	-1,3	3,9	13.982	123.567	46,9	30,6
Bạch tuộc các loại	6.880	45.359	-25,8	-28,2	-29,3	-32,0	16.150	108.558	-15,2	-17,0
Nghêu các loại	14.226	39.499	4,7	72,0	-8,0	51,2	27.809	62.464	6,2	41,6
Ốc các loại	2.080	13.372	-34,0	-24,1	2,6	19,8	5.230	30.995	92,8	123,6
Sò các loại	3.814	12.306	8,4	-18,4	106,3	24,5	7.331	27.395	227,9	99,3
Mặt hàng khác	22.989	93.362	31,8	41,2	-5,4	11,4	40.428	159.505	-6,5	9,1

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam



DUNG LƯỢNG 5 THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU THỦY SẢN LỚN NHẤT THẾ GIỚI VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Trong những tháng đầu năm 2025, nhu cầu tiêu thụ thủy sản tại nhiều thị trường lớn nhìn chung đều tăng như Hoa Kỳ, EU, Trung Quốc, Anh… Thị phần thủy sản của Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của các thị trường lớn ở mức tương đối cao.

Theo số liệu từ Eurostat, EU nhập khẩu thủy sản từ ngoại khối trong 5 tháng đầu năm 2025 đạt 14,57 tỷ USD, tăng 8,15% so với cùng kỳ năm 2024. Thị phần thủy sản của Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu từ ngoại khối của EU chiếm 3,18% trong 5 tháng đầu năm 2025.

Theo số liệu thống kê từ NMFS (Hoa Kỳ), trong 5 tháng đầu năm 2025, thị trường Hoa Kỳ nhập khẩu thủy sản từ thế giới đạt trên 11,43 tỷ USD, tăng 11,97% so với cùng kỳ năm 2024. Thị phần thủy sản của Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của Hoa Kỳ chiếm 6,17% trong 5 tháng đầu năm 2025.

Theo số liệu từ Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong 6 tháng đầu năm 2025, Trung Quốc nhập khẩu thủy sản từ thế giới đạt 9,26 tỷ USD, tăng 7,56% so với cùng kỳ năm 2024. Thị phần thủy sản của Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của Trung Quốc chiếm 8,51% trong 6 tháng đầu năm 2025...

Nhập khẩu thủy sản của các thị trường vẫn có xu hướng tăng, do đó thị phần thủy sản của Việt Nam sẽ có cơ hội gia tăng hơn nữa trong thời gian tới.

5 thị trường nhập khẩu thủy sản đạt trị giá cao những tháng đầu năm 2025

Thị trường	Nhập khẩu từ thế giới năm 2025 (Triệu USD)		So với cùng kỳ năm 2024 (%)		Thị phần nhập khẩu từ Việt Nam trong các tháng năm 2025 (%)	
	5 tháng	6 tháng	5 tháng	6 tháng	5 tháng	6 tháng
EU (Ngoại khối)	14.570		8,15		3,18	
Hoa Kỳ	11.437		11,97		6,17	
Trung Quốc		9.268		7,56		8,51
Nhật Bản	5.270		3,35		8,04	
Hàn Quốc		2.877		7,53		13,11

Nguồn: Eurostat; NMFS; Cơ quan Hải quan Nhật Bản, Trung Quốc Hàn Quốc

Tỷ giá: 1 JPY = 0,00674476 USD; 1 EUR = 1,1749 USD

Hoa Kỳ bỏ nhiều tiêu chuẩn về thực phẩm cũ

Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Mỹ (FDA) vừa công bố kế hoạch hủy bỏ hoặc đề nghị bãi bỏ 52 tiêu chuẩn thực phẩm từ lâu đã cũ hoặc không còn cần thiết so với yêu cầu hiện nay.

Tiêu chuẩn nhận dạng (SOI) mô tả chi tiết những gì một sản phẩm thực phẩm phải chứa và những gì là tùy chọn – ví dụ như tỷ lệ thành phần hoặc thành phần – cũng như phương pháp sản xuất hoặc công thức bắt buộc. Các SOI tồn tại để đảm bảo quy trình sản xuất thực phẩm phù hợp với mong đợi của người tiêu dùng – nhưng một số tiêu chuẩn này đã trở nên không cần thiết trong những năm qua, do thị trường thu hẹp hoặc các quy định về sức khỏe đang thay đổi.

Trong nỗ lực hiện đại hóa khuôn khổ quản lý thực phẩm quốc gia, Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) đã đưa ra một quyết định mang tính lịch sử, đề xuất bãi bỏ 52 tiêu chuẩn trong số hơn 250 tiêu chuẩn nhận diện sản phẩm thực phẩm mà cơ quan này đánh giá là đã lỗi thời và không cần thiết, qua đó, giảm bớt thủ tục rườm rà cho các nhà sản xuất thực phẩm. Đánh giá này là một phần trong chiến lược của Bộ Y tế Hoa Kỳ nhằm tăng cường hiệu quả và giảm chi phí. Cụ thể:

Quy tắc cuối cùng trực tiếp: Bãi bỏ ngay lập tức tiêu chuẩn cho 11 loại rau quả đóng hộp không còn được bán trong các cửa hàng tạp hóa ở Mỹ, bao gồm 7 tiêu chuẩn dành cho trái cây được làm ngọt nhân tạo bằng saccharin hoặc natri saccharin, có hiệu lực từ 22 tháng 9 năm 2025. Những sản phẩm được chỉ định là:

Mơ đóng hộp có chất tạo ngọt nhân tạo; Anh đào đóng hộp có đường nhân tạo; Quả sung đóng hộp có đường nhân tạo; Quả sung đóng hộp; Cocktail trái cây đóng hộp có đường nhân tạo; Nho không hạt đóng hộp; Đào đóng hộp có đường nhân tạo; Lê đóng hộp có đường nhân tạo; Dứa đóng hộp có chất tạo ngọt nhân tạo; Ngô đóng hộp; Đậu Hà Lan khô đóng hộp.

Bên cạnh đó, FDA cũng đề xuất thu hồi tiêu chuẩn đối với 18 sản phẩm từ sữa, bao gồm phô mai cheddar và colby ít natri, sữa chua và kem chua, cùng các loại phô mai hiếm như Nuworld và Sap sago. Các món tráng miệng đông lạnh cũng bị ảnh hưởng, với tiêu chuẩn dành cho kem sữa dê và mellorine sẽ bị loại bỏ do sự hiện diện hạn chế hoặc không có trên thị trường.

FDA giải thích rằng nhiều tiêu chuẩn trong số này đã có từ trước khi các biện pháp bảo vệ người tiêu dùng hiện đại ra đời, chẳng hạn như các yêu cầu về an toàn thành phần, ghi nhãn thành phần, đóng gói thực phẩm, quy trình sản xuất thực phẩm an toàn và thông tin/tuyên bố về dinh dưỡng. Việc loại bỏ các tiêu chuẩn cũ sẽ giúp các doanh nghiệp sản xuất giảm bớt các thủ tục tiêu chuẩn rườm rà, cập nhật các quy định phù hợp với thực tiễn sản xuất và khoa học hiện đại.

FDA cũng đệ trình đề xuất bãi bỏ các tiêu chuẩn đối với 23 loại sản phẩm thực phẩm khác, bao gồm các sản phẩm bánh mì, sản phẩm macaroni (mì ống) và mì sợi, nước ép trái cây đóng hộp có chứa hương liệu hay ít axit, cá và hải sản, cùng các loại nước sốt và hương liệu thực phẩm.

Sáng kiến này của FDA là một phần của nỗ lực liên bang rộng lớn hơn nhằm giảm gánh nặng quy định và tăng cường minh bạch, phù hợp với Lệnh hành pháp 14192 của Tổng thống

Trump “Giải phóng thịnh vượng thông qua bãi bỏ quy định”.

Cùng với việc loại bỏ các tiêu chuẩn lỗi thời, FDA cũng đang triển khai cải cách quy tắc GRAS (Generally Recognized As Safe) - “Được công nhận là an toàn chung”. Từ năm 2025, các công ty sẽ không còn được tự công bố tình trạng GRAS một cách kín đáo. Thay vào đó, họ phải thông báo cho FDA trước khi đưa các thành phần mới vào sản phẩm thực phẩm, đệ trình dữ liệu an toàn để FDA xem xét và công khai thông tin về các quyết định GRAS. Điều này nhằm tăng cường sự tin cậy giữa người tiêu dùng, nhà sản xuất và cơ quan quản lý, đồng thời cải thiện khả năng hiển thị về những gì được thêm vào chuỗi cung ứng thực phẩm.

Đối với người tiêu dùng, những thay đổi này hứa hẹn mang lại sự minh bạch lớn hơn về các thành phần được thêm vào thực phẩm, nâng cao an toàn thực phẩm và cải thiện niềm tin. Đối với ngành công nghiệp, việc giảm bớt các quy định lỗi thời có thể giảm gánh nặng pháp lý, mặc dù họ cần rà soát lại các quyết định GRAS hiện có để đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn mới.

Lưu ý:
Thông tin sử dụng trong bản tin được thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Thông tin trong bản tin chỉ mang tính tham khảo, các ước tính, dự báo có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi bởi những biến động thị trường.
Rất mong nhận được sự phản hồi, trao đổi thông tin và đóng góp ý kiến của độc giả để Bản tin ngày càng chất lượng hơn.